

Số 15 /TB-TTYTKVCD

Ngãi Giao, ngày 23 tháng 12 năm 2025

## THÔNG BÁO

**V/v mời tham gia Tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT; Thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, gói thầu: Mua sắm vật tư y tế -Hóa chất y tế -Hóa chất xét nghiệm-Test sinh phẩm- Phim X-quang năm 2026**

Trung tâm Y tế khu vực Châu Đức triển khai và thực hiện gói thầu: Mua sắm vật tư y tế -Hóa chất y tế -Hóa chất xét nghiệm-Test sinh phẩm- Phim X-quang năm 2026.

Trung tâm Y tế khu vực Châu Đức kính mời các đơn vị cung cấp Dịch vụ Tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT; Thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu có kinh nghiệm – năng lực tham gia thẩm định gói thầu trên.

### **I. Thông tin gói thầu như sau:**

#### **1. Hàng hóa dịch vụ:**

- Đính kèm Bảng giá gói thầu: Mua sắm vật tư y tế -Hóa chất y tế -Hóa chất xét nghiệm-Test sinh phẩm- Phim X-quang năm 2026 (Chi tiết danh mục, quy cách xem tại Website: <http://ttytchauduc.com.vn>).

#### **2. Tên dịch vụ tư vấn:**

- Gói thầu tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT gói thầu: Mua sắm vật tư y tế -Hóa chất y tế -Hóa chất xét nghiệm-Test sinh phẩm- Phim X-quang năm 2026.  
- Gói thầu tư vấn thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, gói thầu: Mua sắm vật tư y tế -Hóa chất y tế -Hóa chất xét nghiệm-Test sinh phẩm- Phim X-quang năm 2026.

#### **3. Hồ sơ chào giá gồm:**

- Hồ sơ năng lực của Công ty  
- Giấy chứng nhận hoạt động kinh doanh  
- Bảng báo giá (ký và đóng dấu lãnh đạo đơn vị), các tài liệu khác có thể chứng minh năng lực, kinh nghiệm của đơn vị.

4. Thời hạn báo giá: Từ ngày 24 tháng 12 năm 2025 đến hết ngày 02 tháng 01 năm 2026.

#### **5. Địa điểm nhận báo giá:**

- Phòng Tổ Chức Hành Chính - Trung tâm Y tế khu vực Châu Đức  
- Địa chỉ: Số 31 Điện Biên Phủ (nối dài), xã Ngãi Giao, thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: 0254.3881865

- Địa chỉ mail: trungtamytechauduc@gmail.com

\* Lưu ý: Ngoài bì thư ghi rõ: “BÁO GIÁ TƯ VẤN GÓI THẦU: MUA SẴM VẬT TƯ Y TẾ -HOÁ CHẤT Y TẾ-HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM-TEST SINH PHẨM- PHIM X QUANG NĂM 2026”

6. Thời gian thực hiện hợp đồng: Quý IV Năm 2025 - Quý I Năm 2026.

Trung tâm Y tế khu vực Châu Đức rất mong được sự quan tâm báo giá của Quý Công ty trong thời gian và địa điểm nêu trên./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT; TCKT.

**GIÁM ĐỐC**



*Ngô Hải Vân*

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC HÀNG HÓA**

**GÓI THẦU: MUA SẮM VẬT TƯ Y TẾ -HOÁ CHẤT Y TẾ-HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM-TEST SINH PHẨM- PHIM X QUANG NĂM 2026**

(Đính kèm Thông báo số 15 /TB-TTYTKVCD ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Trung tâm Y tế khu vực Châu Đức)

Đơn: đồng

STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
<b>Phần 1: Dây truyền dịch, dây hút nhớt, dây thông tiểu, dây oxy, dây Sonde hậu môn, dây cho ăn, dây nối bơm tiêm điện, Khóa 3 ngã, túi đựng nước tiểu, túi dự trữ bóp bóng, bộ phun khí dung, Mask thở oxy.</b>							<b>70,583,000</b>	
1	Dây truyền dịch an toàn 20 giọt	Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh. Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. Buồng nhỏ giọt thể tích $\geq 14\text{ml}$ , có màng lọc dịch $\leq 15\mu\text{m}$ . Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây truyền $\geq 1700\text{mm}$ . Dây truyền dịch kèm kim thường 23Gx1". Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luôn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.	Bộ	6,000	Hộp / 100 chiếc	4,800	28,800,000	
2	Dây oxy 2 nhánh sơ sinh	Dây oxy 2 nhánh sơ sinh - Được sử dụng cho bệnh nhân có lưu lượng oxy thấp. - Dùng cho bệnh nhân khó khăn trong hô hấp như khi phế thũng hoặc bệnh lý phổi - Nguyên liệu nhựa y tế, bề mặt mềm mại và mịn màng không có cạnh sắc nét. - Tốc độ dòng chảy cho các ống khoảng 0.5-4 lít mỗi phút. - Chiều dài: 2m - Đóng gói riêng biệt, tiệt trùng. - Kích cỡ: S Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.	sợi	50	Thùng/ 100 sợi	6,750	337,500	
3	Dây oxy 2 nhánh Người lớn	Dây oxy 2 nhánh người lớn - Được sử dụng cho bệnh nhân có lưu lượng oxy thấp. - Dùng cho bệnh nhân khó khăn trong hô hấp như khi phế thũng hoặc bệnh lý phổi. - Nguyên liệu nhựa y tế, bề mặt mềm mại và mịn màng không có cạnh sắc nét. - Tốc độ dòng chảy cho các ống khoảng 0.5-4 lít mỗi phút. - Chiều dài: 2m - Đóng gói riêng biệt, tiệt trùng. - Kích cỡ: M, L, XL.	Sợi	500	Thùng/ 100 sợi	7,000	3,500,000	

STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
4	Dây oxy 2 nhánh Trẻ em	<p>Dây oxy 2 nhánh trẻ em</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Được sử dụng cho bệnh nhân có lưu lượng oxy thấp.</li> <li>- Dùng cho bệnh nhân khó khăn trong hô hấp như khi phê thũng hoặc bệnh lý phổi</li> <li>- Nguyên liệu nhựa y tế, bề mặt mềm mại và mịn màng không có cạnh sắc nét.</li> <li>- Tốc độ dòng chảy cho các ống khoảng 0.5-4 lít mỗi phút.</li> <li>- Chiều dài: 2m</li> <li>- Đóng gói riêng biệt, tiệt trùng.</li> <li>- Kích cỡ: S</li> </ul>	Sợi	100	Thùng/ 100 sợi	7,000	700,000	
5	Dây cho ăn Số 16	<p>Sonde dạ dày</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công dụng: dùng để giảm áp dạ dày và ruột non (khi bị tắc ruột), đưa thuốc hoặc chất dinh dưỡng vào đường tiêu hoá khi bệnh nhân không tự nuốt được.</li> <li>- Chất liệu: từ nhựa PVC, không độc hại, không gây kích ứng.</li> <li>- Không có nắp đáy.</li> <li>- Mỗi kích cỡ có màu sắc khác nhau để dễ dàng phân biệt.</li> <li>- Được đóng gói riêng lẻ từng túi.</li> <li>- Size: 6, 8: Chiều dài 40cm</li> <li>- Size: 10, 12, 14, 16, 18: chiều dài 120cm</li> </ul>	Sợi	30	Thùng/ 50 sợi	3,750	112,500	
6	Dây hút nhớt có khóa (Số 8)	<p>Dây hút nhớt có khóa</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: từ nhựa PVC không độc hại, không gây kích ứng da dùng trong y tế.</li> <li>- Màu sắc: trong suốt hoặc mờ.</li> <li>- Đầu ống được mở ra với hai mặt bên.</li> <li>- Kiểu cơ sở: loại đầu nổi đơn giản.</li> <li>- Chiều dài tiêu chuẩn: 50cm.</li> <li>- Phân loại: dây hút đàm có khóa.</li> <li>- Tiệt trùng bằng khí Gas, đóng trong gói PE</li> <li>- Kích cỡ: 6; 8; 10; 12; 14; 16; 18</li> </ul>	Sợi	50	Hộp / 100 sợi	2,400	120,000	

STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
7	Dây hút nhớt có khóa (Số 14)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dây hút nhớt có khóa</li> <li>- Chất liệu: từ nhựa PVC không độc hại, không gây kích ứng da dùng trong y tế.</li> <li>- Màu sắc: trong suốt hoặc mờ.</li> <li>- Đầu ống được mở ra với hai mắt bên.</li> <li>- Kiểu cổ sần: loại đầu nổi đơn giản.</li> <li>- Chiều dài tiêu chuẩn: 50cm.</li> <li>- Phân loại: dây hút đăm có khóa.</li> <li>- Tiết trùng bằng khí Gas, đóng trong gói PE</li> <li>- Kích cỡ: 6; 8; 10; 12; 14; 16; 18</li> </ul>	Sợi	60	Hộp / 100 sợi	2,400	144,000	
8	Dây hút nhớt có khóa (Số 16)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dây hút nhớt có khóa</li> <li>- Chất liệu: từ nhựa PVC không độc hại, không gây kích ứng da dùng trong y tế.</li> <li>- Màu sắc: trong suốt hoặc mờ.</li> <li>- Đầu ống được mở ra với hai mắt bên.</li> <li>- Kiểu cổ sần: loại đầu nổi đơn giản.</li> <li>- Chiều dài tiêu chuẩn: 50cm.</li> <li>- Phân loại: dây hút đăm có khóa.</li> <li>- Tiết trùng bằng khí Gas, đóng trong gói PE</li> <li>- Kích cỡ: 6; 8; 10; 12; 14; 16; 19</li> </ul>	Sợi	60	Hộp / 100 sợi	2,400	144,000	
9	Thông tiểu một nhánh số 14	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Được thể kế để đặt ống thông bàng quang ngắn hạn ở niệu đạo nam giới.</li> <li>- Được sản xuất từ chất đàn hồi silicon 100% tự nhiên không độc hại, không gây dị ứng.</li> <li>- Đầu khép kín có hai mắt bên.</li> <li>- Màu sắc: màu vàng kem.</li> <li>- Thân ống mềm mại trong suốt.</li> <li>- Được tiết trùng và đóng gói riêng lẻ từng túi.</li> <li>- Size: 14</li> </ul>	Sợi	200	Hộp/ 10 sợi	9,500	1,900,000	
10	Thông tiểu một nhánh số 16	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Được thể kế để đặt ống thông bàng quang ngắn hạn ở niệu đạo nam giới.</li> <li>- Được sản xuất từ chất đàn hồi silicon 100% tự nhiên không độc hại, không gây dị ứng.</li> <li>- Đầu khép kín có hai mắt bên.</li> <li>- Màu sắc: màu vàng kem.</li> <li>- Thân ống mềm mại trong suốt.</li> <li>- Được tiết trùng và đóng gói riêng lẻ từng túi.</li> <li>- Size: 16</li> </ul>	Sợi	50	Hộp/ 10 sợi	9,500	475,000	
11	Thông tiểu hai nhánh số 14	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công dụng: Dùng để thông tiểu cho bệnh nhân.</li> <li>- Chất liệu: từ cao su thiên nhiên và được tráng qua silicon.</li> <li>- Size: 12, 14, 16, 18, 20, 22.</li> <li>- Được đóng gói trong từng túi riêng lẻ, Tiết trùng bằng khí E.O</li> </ul>	Sợi	100	Hộp/ 10 sợi	13,750	1,375,000	

STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
12	Thông tiểu hai nhánh số 16	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công dụng: Dùng để thông tiểu cho bệnh nhân.</li> <li>- Chất liệu: từ cao su thiên nhiên và được tráng qua silicon.</li> <li>- Size: 12, 14, 16, 18, 20, 22.</li> <li>- Được đóng gói trong từng túi riêng lẻ, Tiệt trùng bằng khí E.O</li> </ul>	Sợi	500	Hộp/ 10 sợi	13,750	6,875,000	
13	Sonde hậu môn các số	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chất liệu: PVC, không độc hại, không gây kích ứng.</li> <li>Thân ống mềm mại, trong suốt.</li> <li>Hầu hết các ống này đều có dải cân quang nằm dọc thân ống để dễ dàng xác định khi chụp X quang.</li> <li>Tiệt trùng bằng khí OE.</li> <li>Sond Rectal - sond hậu môn</li> <li>Kích cỡ: 14;16;18;20;22;24;26</li> <li>28;30;32;3</li> </ul>	Sợi	20	Gói/1 sợi	3,300	66,000	
14	Dây nối máy bơm tiêm điện đường kính nhỏ 0,9mm dài 140cm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu bằng nhựa PVC, không độc hại, mềm đàn hồi tốt, không Latex, <b>chịu được áp lực cao 4bar.</b></li> <li>- Độ dài dây 150cm, đường kính 1.0mm/2.5.0mm, 3.0mm/ 4.0mm</li> <li>- Đầu nối khóa ren (lure lock), khóa bảo vệ (cap connector), ống chống xoắn.</li> <li>Hai đầu có khóa vặn an toàn.</li> <li>- Sản phẩm được sản xuất bởi cơ sở có chứng nhận quản lý chất lượng ISO 13485:2016, CE</li> <li>- Được tiệt trùng bằng khí EO 100%</li> </ul>	Cái	200	800 cái/ thùng	9,500	1,900,000	
15	Khóa 3 ngã có dây dài 25cm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm bằng chất Polycarbonate, Polyethylene, ABS chất lượng cao dùng trong y tế, không gây độc, gây sốt, không gây gập hoặc chảy nước.</li> <li>- Kèm dây nối làm bằng PVC 10cm, 25cm, mềm, có khả năng chịu nứt gãy, chịu được áp lực cao 4 bars (60psi)</li> <li>- Đầu nối khóa ren (xoay Luer lock) với một khóa chính và hai khóa phụ, giúp kết nối chặt chẽ và nhanh chóng</li> <li>- Chạc ba nông trơn nhẵn, mũi tên chỉ hướng dòng chảy</li> <li>- Xoay 360 độ không giới hạn</li> <li>- Khử trùng bằng khí EO ( Ethylene Oxide)</li> <li>- Sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485: 2016, CE</li> </ul>	Cái	80	Túi/ 1 cái	8,350	668,000	
16	Túi đựng nước tiểu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dung lượng: 2000ml.</li> <li>- Túi có van xả phía dưới, miệng ống 90cm, van không chảy ngược và có van kéo dấy.</li> <li>- Tiệt trùng: EO.</li> </ul>	Cái	550	Gói/ 10 cái	5,800	3,190,000	

STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
17	Bộ phun khí dung người lớn	<p>Mặt nạ xông khí dung người lớn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công dụng: là dụng cụ giúp bệnh nhân hấp thu được lượng lớn dung dịch xông một cách hiệu quả và dễ dàng nhất.</li> <li>- Chất liệu: Được làm từ chất liệu nhựa PVC.</li> <li>- Kẹp mũi điều chỉnh được.</li> <li>- Mask với 2 dây đeo đàn hồi và ống dài 2m.</li> <li>- Có bầu chứa thuốc và mồm chụp thở khí dung.</li> <li>- Kích cỡ: M, L, XL.</li> <li>- Được đóng gói riêng lẻ trong từng túi.</li> </ul>	Bộ	450	Thùng/ 50 bộ	21,640	9,738,000	
18	Bộ phun khí dung trẻ em	<p>Mặt nạ xông khí dung trẻ em</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công dụng: là dụng cụ giúp bệnh nhân hấp thu được lượng lớn dung dịch xông một cách hiệu quả và dễ dàng nhất.</li> <li>- Chất liệu: Được làm từ chất liệu nhựa PVC.</li> <li>- Kẹp mũi điều chỉnh được.</li> <li>- Mask với 2 dây đeo đàn hồi và ống dài 2m.</li> <li>- Có bầu chứa thuốc và mồm chụp thở khí dung.</li> <li>- Kích cỡ: M, L, XL.</li> <li>- Được đóng gói riêng lẻ trong từng túi.</li> </ul>	Bộ	200	Thùng/ 50 bộ	21,640	4,328,000	
19	Mask thở oxy người lớn (có túi)	<p>Mặt Nạ Thở Oxy Có Túi Dữ Trữ - Mask oxy có túi NL</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công dụng: là dụng cụ kết nối giữa hệ thống cung cấp khí oxy với bệnh nhân, giúp lượng khí oxy được cung cấp đầy đủ cho người sử dụng.</li> <li>- Chất liệu: Được làm từ chất liệu nhựa PVC, dùng trong y tế.</li> <li>- Túi hơi dùng để dự trữ oxy.</li> <li>- Ống hơi được mở an toàn.</li> <li>- Mask với dây đeo đàn hồi.</li> <li>- Kẹp mũi điều chỉnh được.</li> <li>- Mặt nạ cung ứng một nồng độ oxy cao với ống 2m.</li> <li>- Được tiệt trùng và đóng gói riêng lẻ trong từng túi.</li> <li>- Kích cỡ: SX, S, M, L, XL.</li> </ul>	Cái	200	Gói/ 1 cái	23,000	4,600,000	
20	Mask thở oxy trẻ em (có túi)	<p>Mặt Nạ Thở Oxy Có Túi Dữ Trữ - Mask oxy có túi TE</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công dụng: là dụng cụ kết nối giữa hệ thống cung cấp khí oxy với bệnh nhân, giúp lượng khí oxy được cung cấp đầy đủ cho người sử dụng.</li> <li>- Chất liệu: Được làm từ chất liệu nhựa PVC, dùng trong y tế.</li> <li>- Túi hơi dùng để dự trữ oxy.</li> <li>- Ống hơi được mở an toàn.</li> <li>- Mask với dây đeo đàn hồi.</li> <li>- Kẹp mũi điều chỉnh được.</li> <li>- Mặt nạ cung ứng một nồng độ oxy cao với ống 2m.</li> <li>- Được tiệt trùng và đóng gói riêng lẻ trong từng túi.</li> <li>- Kích cỡ: SX, S, M</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>	Cái	70	Gói/ 1 cái	23,000	1,610,000	

STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
<b>Phần 02: Băng y tế, băng cuộn, bột bó, băng keo, băng keo do nhiệt độ hấp, băng keo cá nhân, bơm tiêm, Bóp bóng giúp thở, bộ rửa dạ dày, băng thun các loại.</b>							<b>401,805,000</b>	
21	Băng keo thun co giãn 6cm x 4,5m	- Băng thun có keo cố định khớp 6cm x 4,5m (Băng cuộn co giãn). - Băng thun màu trắng, cotton 100%, keo Zinc oxide không dùng dung môi, lực dính 2-9 N/cm, co giãn ≥ 90%, có kiểm tra vi sinh. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cuộn	50	Hộp 1 cuộn	113,500	5,675,000	
22	Băng keo vải cá nhân 2cm x 6cm	- Sợi vải đàn hồi: Viscose và polyamide phủ keo oxid kẽm, miếng gạc thấm hút bằng sợi viscose, phủ lớp chống dính polyethylene, thấm hút ≥ 500 % , lực dính 2,2-9,4 N/cm, có kiểm tra vi sinh. - Đạt tiêu chuẩn CE. - Chứng nhận MD 92825	Miếng	80,000	Hộp / 102 miếng	700	56,000,000	
23	Băng bột bó 10cm x 2,7m	• Công dụng: hỗ trợ đặc lực cho bệnh nhân khi bị gãy xương. • Nguyên liệu: Gạc với thạch cao pha lỏng, phủ đều phần gạc, gạc 100% cotton, có lõi nhựa. • Màu sắc: trắng. • Thời gian kết đông: 3-5 phút. • Trọng lượng: 390g/m <sup>2</sup> , 400g/m <sup>2</sup> , 410g/m <sup>2</sup> ... • Phân loại size: - Bột bó 4in: 10cm x 2,7m	Cuộn	500	Thùng 72 cuộn	14,000	7,000,000	
24	Băng bột bó 15cm x 2,7m	• Công dụng: hỗ trợ đặc lực cho bệnh nhân khi bị gãy xương. • Nguyên liệu: Gạc với thạch cao pha lỏng, phủ đều phần gạc, gạc 100% cotton, có lõi nhựa. • Màu sắc: trắng. • Thời gian kết đông: 3-5 phút. • Trọng lượng: 390g/m <sup>2</sup> , 400g/m <sup>2</sup> , 410g/m <sup>2</sup> ... • Phân loại size: -Bột bó 6in: 15cm x 2,7m	Cuộn	350	Thùng 72 cuộn	18,000	6,300,000	
25	Băng keo lụa 5cm x 5m	- Vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate, số sợi 44x19,5 sợi/cm, keo Zinc oxide không dùng dung môi phủ đều. - Trọng lượng của khối phủ 50-60 g/m <sup>2</sup> , lực dính 1,8-5,5 N/cm, có kiểm tra vi sinh. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE. Chứng nhận MD 92825	Cuộn	800	Hộp 1 cuộn	49,000	39,200,000	
26	Băng thun 3 móc 10cm x 4,5m	- Kích thước ban đầu 10cm x 1,5m, kích thước sử dụng 10cm x 4,5m; độ đàn hồi 300%; - Chất liệu làm từ sợi Cotton se tròn 76%, kết hợp với cao su tự nhiên 24%; màu da và có 3 móc dùng để cố định băng. - Băng thun cuộn 10cm x 4,5m (3 móc) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc CE.	Cuộn	650	Thùng 30 cuộn	29,500	19,175,000	

STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
27	Băng thun 7,5cm x 4,5m	- Băng thun màu trắng, sợi polyester, spandex và sợi bông, trọng lượng 90 g/m2, co giãn $\geq 200\%$ , có kiểm tra vi sinh. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc CE. Chứng nhận MD 92825. - Băng thun cuộn 7,5cm x 4,5m (2 móc).	Cuộn	550	Thùng 40 cuộn	24,000	13,200,000	
28	Bông y tế viên 500g	Bông y tế 500gr làm từ bông xơ tự nhiên 100% cotton. - Sợi mảnh, mềm, không có lẫn các mảnh lá hoặc vỏ hạt; Không mùi. Sản phẩm được sản xuất bởi cơ sở có chứng nhận quản lý chất lượng ISO 13485, CE.	Gói	350	500gr/ gói	113,000	39,550,000	
29	Bông y tế thấm nước 1kg	Bông y tế 1kg làm từ bông xơ tự nhiên 100% cotton. Sợi mảnh, mềm, không có lẫn các mảnh lá hoặc vỏ hạt; Không mùi. Sản phẩm được sản xuất bởi cơ sở có chứng nhận quản lý chất lượng ISO 13485, CE.	Gói	30	Gói / 1 Kg	175,000	5,250,000	
30	Bông y tế 100 gram (không tiết trùng)	- Nguyên liệu: sợi bông cotton 100%, hút nước. - Loại: không tiết trùng	Gói	510	Gói/ 100gram	27,500	14,025,000	
31	Bông không hút nước (1kg)	- Thành phần: 100% bông xơ tự nhiên, màu vàng, không thấm nước (bông không hút nước).	Cuộn	15	Gói/ 1kg	170,500	2,557,500	
32	Băng cuộn 0,09m x 2,5m	Kích thước: 9cm x 2m; 9cm x 2,5m - Chất liệu: được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao, không có độc tố. - Hai đầu cuộn băng bằng, không lệch, không xơ. - Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Sản phẩm được sản xuất bởi cơ sở có chứng nhận quản lý chất lượng ISO 13485, CE.	Cuộn	600	20 cuộn / Gói	1,950	1,170,000	

STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
33	Băng keo đo nhiệt độ hấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Băng chỉ thị nhiệt 3M™ Comply™ dùng trong tiệt khuẩn hơi nước với mục đích cố định gói dụng cụ chắc chắn và phân biệt gói dụng cụ đã qua tiệt khuẩn hay chưa.</li> <li>- Mực chỉ thị hóa học, được in theo kiểu sọc chéo, không chứa chì nghĩa là không tạo chất thải nguy hại ra môi trường.</li> <li>- Lớp keo không chứa cao su, dính chắc phù hợp với nhiều loại vải bọc, giấy gói, bao plastic,...</li> <li>- Lớp nền là loại giấy crepe màu be có thể co giãn giúp giảm thiểu tình trạng băng dính bị "bung ra" trong quá trình tiệt trùng, có thể viết được lên trên hoặc dán nhãn bằng nhãn in sẵn.</li> <li>- Các vạch chỉ thị hóa học sẽ hiển thị sự thay đổi màu sắc trực quan từ trắng nhạt / rám nắng sang nâu sẫm / đen khi tiếp xúc với quy trình tiệt trùng bằng hơi nước</li> <li>- Băng chỉ thị nhiệt 3M™ Comply™ là chỉ thị hóa học tiếp xúc loại 1 theo phân loại của ISO 11140-1:2014.</li> <li>- Sau khi sử dụng, chỉ thị sẽ không thay đổi màu trong vòng 6 tháng khi được bảo quản đúng điều kiện khuyến nghị trong hướng dẫn sử dụng.</li> <li>- Tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA</li> </ul>	Cuộn	50	42 cuộn / thùng	150,000	7,500,000	
34	Bơm tiêm 10ml, kim 23G x 1; 25G x 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</li> <li>- <b>Có thang chia dung tích hút tối đa đến 12ml, vạch chia nhỏ nhất ≤0,2ml</b></li> <li>- <b>Pít tông có khóa bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa.</b></li> <li>- Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.</li> <li>- <b>Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng, ISO 13485.</b></li> </ul>	Cái	10,000	01 chiếc/túi	1,300	13,000,000	
35	Bơm tiêm 1ml, kim 26G x 1/2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</li> <li>- Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết ≤ 0.03ml, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng.</li> <li>- Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim 26Gx1/2". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.</li> <li>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng, ISO 13485.</li> </ul>	Cái	5,000	01 chiếc/ túi	840	4,200,000	

STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
36	Bơm tiêm 3ml, kim 23G x 1; 25G x 1; 25G x 5/8	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh dung tích 3ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</li> <li>- Pit tông có khóa bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa.</li> <li>- Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.</li> <li>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng, ISO 13485.</li> </ul>	Cái	120,000	01 chiếc/ túi	840	100,800,000	
37	Bơm tiêm 5ml, kim 25G x 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh dung tích 5ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</li> <li>- Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml</li> <li>- Pit tông có khóa bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa.</li> <li>- Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng, ISO 13485.</li> </ul>	Cái	25,000	01 chiếc/ túi	882	22,050,000	
38	Bơm tiêm sử dụng một lần 50ml/cc (không kim)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa.</li> <li>- Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn.</li> <li>- Bơm có cơ thiết kế lỗ vòng ngón tay ở cuối giúp cầm, kéo chắc chắn chống trượt. Thang chia thể tích được chia theo oz và cc.</li> <li>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng, ISO 13485, FDA.</li> </ul>	Cái	130	Hộp 25 cái	5,500	715,000	
39	Bơm tiêm sử dụng một lần 50ml/cc (Có kim)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</li> <li>- Pit tông có khóa bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa.</li> <li>- Đốc xy lanh nhỏ, gắn chắc chắn với tất cả các cỡ kim, an toàn khi sử dụng.</li> <li>- Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện</li> <li>- Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng, ISO 13485.</li> </ul>	Cái	50	Hộp 25 cái	4,500	225,000	
40	Bơm tiêm sử dụng một lần 20ml/cc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</li> <li>- Pit tông có khóa bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa.</li> <li>- Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện</li> <li>- Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng, ISO 13485.</li> </ul>	Cái	9,000	Hộp 100 cái	2,200	19,800,000	



STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
41	Bóp bóng giúp thở (Ambu)	<p>Ampu - bóp bóng giúp thở Silicon Trẻ Em+Người Lớn</p> <p>- Ampu giúp thở người lớn, trẻ em và sơ sinh. Dùng để hồi sức bệnh nhân bị ngưng thở.</p> <p>- Sử dụng một lần để loại bỏ khả năng nhiễm khuẩn chéo.</p> <p>- Được trang bị một van hạn chế áp suất cho sự an toàn của bệnh nhân.</p> <p>- Bề mặt kết cấu của sản phẩm đảm bảo tiêu chuẩn và cung cấp thông gió hiệu quả.</p> <p>- Vật liệu: nhựa PVC cao cấp dùng trong y tế, đạt tiêu chuẩn Châu Âu.</p> <p>Chất liệu:</p> <p>- Bóng bóp chất liệu PVC</p> <p>- Phổi giả chất liệu PVC</p> <p>- Mask thở các cỡ</p> <p>- Dây dẫn ô-xy</p> <p>Kích thước có 3 cỡ bóng:</p> <p>- Infant - sơ sinh (150ml): ≤ 10kg</p> <p>- Child - trẻ em (350ml) : 10kg~30kg</p> <p>- Adult - người lớn ( 800ml): ≥30kg</p>	Cái	75	Hộp/ 1 Cái	205,500	15,412,500	
42	Bộ rửa da dày	<p>- Làm từ mù cao su tự nhiên</p> <p>- Công dụng: Dùng để thông rửa da dày</p> <p>- Size: 28mm (Lớn) &amp; 22mm (Nhỏ)</p> <p>- Được đóng gói riêng lẻ trong từng túi.</p>	Bộ	100	Thùng/ 50 bộ	90,000	9,000,000	
<b>Phần 03: Găng y tế các loại, Gạc y tế.</b>							<b>375,725,000</b>	
43	Găng khám kiểm tra dùng trong y tế có bột cỡ M,S	<p>Găng kiểm tra size S, M</p> <p>- Chiều dài 240mm, độ dày ngón tay nhỏ nhất: 0,08mm, độ dày nhỏ nhất lòng bàn tay: 0,08mm.</p> <p>Trọng lượng và chiều rộng tương ứng:</p> <p>+ Size S: (4.6±0.2)g/chiếc; (89±5)mm;</p> <p>+ Size M: (5.0±0.2)g/chiếc; (95±5)mm;</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.</p>	Đôi	140,000	50 đôi/hộp; 10 hộp/thùng (500 đôi/thùng)	1,750	245,000,000	
44	Găng phẫu thuật: tiết trùng cỡ 6,5; 7;7,5	<p>Găng tay phẫu thuật tiết trùng các số</p> <p>- Chiều dài Số 6 1/2, 7, 7 1/2, 8 là 280mm +/- 5mm.</p> <p>- Độ dày ngón tay 0,16mm.</p> <p>- Tiết trùng Bằng Khí EO.</p> <p>- Trọng lượng và chiều rộng tương ứng :</p> <p>- Chiều dài (min): 280±5mm, chiều dày 1 lớp(min) : 0.15±0.03mm.</p> <p>-Chiều rộng:</p> <p>+ số 6.5: 83±5mm;</p> <p>+ số 7: 89±5mm;</p> <p>+ số 7.5: 95±5mm.</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.</p>	Đôi	12,000	01 đôi/túi 50 đôi/hộp 300 đôi/thùng	4,500	54,000,000	

STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
45	Gạc vô trùng 10cm x10cm x 8 lớp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao.</li> <li>- Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng.</li> <li>- Độ pH: trung tính.</li> <li>- Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép.</li> <li>- Tiệt trùng bằng khí EO.Gas.</li> </ul>	Miếng	75,000	10 miếng/ gói	875	65,625,000	
46	Gạc vaseline 7x40cm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: Dung dịch Vaseline lỏng, gạc đã khử trùng.</li> <li>- Gạc vaseline dùng để đắp lên vết thương bị bỏng</li> <li>- Kích thước: 7x40cm</li> </ul>	Gói	600	Hộp /10 gói (100 gói/ thùng)	18,500	11,100,000	

**Phần 04: Kim luân tinh mạch, kim rút thuốc, kim châm cứu, Chỉ khâu da các loại.**

**188,795,688**

47	Chỉ chromic 2/0 kim tròn 26mm 1/2C (kim tròn)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ tan chậm tự nhiên số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm.</li> <li>- Vật liệu: Chỉ làm từ collagen thanh mạc ruột bò (không phải cừu hoặc dê), sợi chắc, dễ uốn. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat</li> <li>- Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai, chống rách, ngăn khuẩn hiệu quả.</li> </ul>	Tép	240	Hộp / 24 tép	31,250	7,500,000	
48	Chỉ chromic 4/0 kim tròn 26mm. 1/2C (kim tròn)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ tan chậm tự nhiên số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm</li> <li>- Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai, chống rách, ngăn khuẩn hiệu quả. Chỉ làm từ collagen thanh mạc ruột bò (không phải cừu hoặc dê), sợi chắc, dễ uốn. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat.</li> </ul>	Tép	480	Hộp / 24 tép	31,894	15,309,120	
49	Chỉ chromic 3/0 kim tròn 26mm. 1/2C (kim tròn)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kim tròn 1/2c, dài 26 mm.</li> <li>- Vật liệu: Kim thép 302 phủ silicon.</li> <li>- Sợi chỉ chất liệu: Collagen tinh khiết.</li> <li>- Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai, chống rách, ngăn khuẩn hiệu quả. Chỉ làm từ collagen thanh mạc ruột bò (không phải cừu hoặc dê), sợi chắc, dễ uốn hoặc tương đương</li> <li>- Sản phẩm được sản xuất bởi cơ sở có chứng nhận quản lý chất lượng ISO 13485.</li> </ul>	Tép	172	Hộp / 24 tép	31,894	5,485,768	
50	Chỉ không tan tự nhiên silk 3/0 kim tam giác 18mm, 3/8C	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ không tan tự nhiên silk số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 18 mm.</li> <li>- Vật liệu: Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde.</li> <li>- Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai, chống rách, ngăn khuẩn hiệu quả.</li> <li>- Sản phẩm được sản xuất bởi cơ sở có chứng nhận quản lý chất lượng ISO 13485.</li> </ul>	Tép	148	Hộp/ 24 tép	24,750	3,663,000	



STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
51	Chỉ không tan tự nhiên silk 2/0 kim tam giác 26mm, 3/8C	- Chỉ không tan tự nhiên silk số 2/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm. - Vật liệu: Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai, chống rách, ngăn khuẩn hiệu quả. - Sản phẩm được sản xuất bởi cơ sở có chứng nhận quản lý chất lượng ISO 13485.	Tép	480	Hộp/ 24 tép	24,750	11,880,000	
52	Chỉ không tan tự nhiên silk 4/0 kim tam giác 18mm, 3/8C	- Kim tam giác 3/8c, sợi chỉ dài 18 mm. - Vật liệu: Kim thép 302 phủ silicon . - Sợi chỉ chất liệu: Lụa, tơ tằm, protein hữu cơ. - Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai, chống rách, ngăn khuẩn hiệu quả hoặc trong đờng. - Sản phẩm được sản xuất bởi cơ sở có chứng nhận quản lý chất lượng ISO 13485.	Tép	216	Hộp / 24 tép	24,750	5,346,000	
53	Chỉ không tan tự nhiên silk 5/0 kim tam giác 16mm, 3/8C	- Kim tam giác 3/8c, dài 16 mm. - Vật liệu: Kim thép 302 phủ silicon. - Sợi chỉ chất liệu: Lụa, tơ tằm, protein hữu cơ. - Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai, chống rách, ngăn khuẩn hiệu quả hoặc trong đờng. - Sản phẩm được sản xuất bởi cơ sở có chứng nhận quản lý chất lượng ISO 13485.	Tép	72	Hộp / 24 tép	24,750	1,782,000	
54	Chỉ nylon 3/0 kim tam giác 20mm, 3/8C	- Chỉ không tan tổng hợp Nylon/Polyamide số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 20 mm. - Vật liệu: Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai, chống rách, ngăn khuẩn hiệu quả.	Tép	504	Hộp / 24 tép	17,125	8,631,000	
55	Chỉ nylon 4/0 kim tam giác 18mm, 3/8C	- Chỉ không tan tổng hợp Nylon/Polyamide số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 18 mm. - Vật Liệu: Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai, chống rách, ngăn khuẩn hiệu quả. - Sản phẩm được sản xuất bởi cơ sở có chứng nhận quản lý chất lượng ISO 13485.	Tép	336	Hộp / 24 tép	17,125	5,754,000	
56	Chỉ nylon 5/0 kim tam giác 16mm, 3/8C	- Chỉ không tan tổng hợp Nylon/Polyamide số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm. - Vật Liệu: Kim thép 302 phủ silicon, mũi vuốt nhọn UltraGlyde - Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai, chống rách, ngăn khuẩn hiệu quả. - Sản phẩm được sản xuất bởi cơ sở có chứng nhận quản lý chất lượng ISO 13485.	Tép	168	Hộp / 24 tép	23,500	3,948,000	

STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
57	Chỉ phẫu thuật tự tiêu đa sợi 2-0 kim tròn (90cm)	Chỉ tan nhanh tổng hợp Polyglactine 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 2/0 dài 90cm, kim tròn đầu cắt V-34 có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 36mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương: 50% sau 5 ngày, 0% sau 10 - 14 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn 42 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, CFS.	Tép	48	Hộp/12 tép	96,250	4,620,000	
58	Chỉ phẫu thuật tự tiêu đa sợi 3-0 kim tròn (90cm)	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 0 dài 90cm, kim tròn đầu tròn CT, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 40mm, 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, CFS	Tép	48	Hộp / 12 tép	92,350	4,432,800	
59	Chỉ phẫu thuật tự tiêu đa sợi 4-0 kim tròn (90cm)	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, lớp vỏ 50% polyglactin 370 & 50% chất bôi trơn Calcium Stearate, chỉ số 1, dài 90cm, kim tròn đầu tròn CT, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 40mm, 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày.	Tép	60	Hộp / 12 tép	87,500	5,250,000	
60	Kim châm cứu 3cm	Kim châm cứu vô trùng loại dùng 1 lần gồm thân kim và đốc kim. Thân kim được làm bằng thép y tế không gỉ - Đường kính kim từ $\phi$ 0.16mm ~ 0.45mm - Độ dài kim từ 13mm ~ 100mm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Ngày sản xuất và Hạn sử dụng được thể hiện trên từng túi	Cây	110,000	Hộp 100 cây	625	68,750,000	
61	Kim châm cứu 11,6 cm	Kim châm cứu vô trùng loại dùng 1 lần gồm thân kim và đốc kim. Thân kim được làm bằng thép y tế không gỉ - Đường kính kim từ $\phi$ 0.16mm ~ 0.45mm - Độ dài kim: 13mm ~ 150mm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Ngày sản xuất và Hạn sử dụng được thể hiện trên từng túi	Cây	18,000	Hộp 100 cây	625	11,250,000	
62	Kim luồn tĩnh mạch an toàn G22	- Thép không gỉ, kim có đầu silicon giúp xuyên kim dễ dàng - Cổng tiêm với van tiêm silicon một chiều - Nắp bảo vệ được thiết kế đặc biệt với phích cắm lờm để che cổng tiêm và giảm thiểu ô nhiễm - Cánh góc cạnh và có rãnh để cố định an toàn - Có nắp để chặn ống thông khi không sử dụng - Dùng một lần, tiệt trùng bằng khí EO và không gây sốt	Cái	2,500	Hộp 100 cái	3,550	8,875,000	

STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
63	Kim luồn tĩnh mạch an toàn G24	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thép không gỉ, kim có đầu silicon giúp xuyên kim dễ dàng</li> <li>- Công tiêm với van tiêm silicon một chiều</li> <li>- Nắp bảo vệ được thiết kế đặc biệt với phích cắm lõm để che công tiêm và giảm thiểu ô nhiễm</li> <li>- Cánh góc cạnh và có rãnh để cố định an toàn</li> <li>- Có nắp để chặn ống thông khi không sử dụng</li> <li>- Dùng một lần, tiệt trùng bằng khí EO và không gây sốt</li> </ul>	Cái	3,600	Hộp 100 cái	3,550	12,780,000	
64	Kim rút thuốc G18	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kim số 18Gx11/2, ví dụng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim.</li> <li>- Đầu kim vát 3 cạnh, không có gờ lỗi.</li> <li>- Thân kim làm từ thép không rỉ, có độ cứng, bề mặt nhẵn bóng không tạp chất.</li> <li>- Đốc kim làm từ chất dẻo có màu theo chuẩn quốc tế, có thể lắp tương thích với tất cả các loại bơm tiêm.</li> <li>- Không chứa độc tố DEHP. Đóng gói tiệt trùng</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001</li> </ul>	Cái	3,000	Hộp 100 cái	325	975,000	
65	Kim luồn tĩnh mạch an toàn G18	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thép không gỉ, kim có đầu silicon giúp xuyên kim dễ dàng</li> <li>- Công tiêm với van tiêm silicon một chiều</li> <li>- Nắp bảo vệ được thiết kế đặc biệt với phích cắm lõm để che công tiêm và giảm thiểu ô nhiễm</li> <li>- Cánh góc cạnh và có rãnh để cố định an toàn</li> <li>- Có nắp để chặn ống thông khi không sử dụng</li> <li>- Dùng một lần, tiệt trùng bằng khí EO và không gây sốt</li> </ul>	Cái	200	Hộp 100 cái	3,550	710,000	
66	Kim đẩy chỉ vô trùng dùng 01 lần	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kim đẩy chỉ vô trùng loại dùng 01 lần gồm phần đẩy chỉ đầu bằng và phần cán.</li> <li>- Đường kính thân kim: 0.16mm~0.45mm</li> <li>- Độ dài thân kim: 1.3mm~100mm</li> <li>- Kích thước: 0.30x33mm và 0.30x45mm.</li> <li>- Thân kim được làm bằng thép y tế không gỉ, có khả năng chống ăn mòn.</li> <li>- Tiệt trùng bằng khí EO, dùng một lần.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>	Cái	2,000	Vi / 10 cái	427	854,000	
67	Kim tiêm 23G	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kim: được làm bằng thép không gỉ</li> <li>- Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, không gờ, có nắp chụp bảo vệ</li> <li>- Thân kim nhẵn, tròn đều, có đủ độ cứng cơ khí, không bị cong vênh, không tạp chất bên trong, được phủ Silicone.</li> <li>- Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế</li> <li>- Sản phẩm đóng gói trong túi riêng, không có độc tố và chất gây sốt</li> <li>- Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)</li> </ul>	Cái	2,000	Hộp 200 cái	500	1,000,000	
Phần 05: Ống nội khí quản, Airway, bộ điều Kinh Karman, tạp dề y tế, kẹp rốn, bao đo máu sau khi sinh, tấm bông, que phết âm đạo.							19,959,000	

STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
68	Ông nội khí quản có bóng các số (số 2 đến số 8)	Được thiết kế để sử dụng trong quá trình thông gió ngắn hạn và dài hạn và các thủ tục phẫu thuật thông thường (ví dụ thông đường khí quản.) - Chất liệu: Sản xuất từ nhựa PVC không độc hại, trong suốt mềm mại. - Đóng gói riêng lẻ từng túi. - Kích thước: số 2 đến số 8 Sản phẩm được sản xuất bởi cơ sở có chứng nhận quản lý chất lượng ISO 13485.	Cái	200	1 Cái/ túi	15,000	3,000,000	
69	Ông chống cản lưới (Airway) số 2 - 80mm	Chống cản lưới- Airway - Chất Liệu: Được làm từ polyethylene không độc. - Các cạnh được làm tròn không sang chấn. - Thích hợp để duy trì đường thở không bị tắc nghẽn ở hầu họng trong khi gây mê toàn thân và ở những bệnh nhân bất tỉnh. - Đóng gói riêng trong bao nhựa vô trùng. - Size số 2: 80mm, xanh lá - Sản phẩm được sản xuất bởi cơ sở có chứng nhận quản lý chất lượng ISO 13485.	Cái	100	Hộp/ 50 cái	5,320	532,000	
70	Ông chống cản lưới (Airway) số 3 - 90mm	Chống cản lưới- Airway - Chất Liệu: Được làm từ polyethylene không độc. - Các cạnh được làm tròn không sang chấn. - Thích hợp để duy trì đường thở không bị tắc nghẽn ở hầu họng trong khi gây mê toàn thân và ở những bệnh nhân bất tỉnh. - Đóng gói riêng trong bao nhựa vô trùng. - Size 3 - 90mm - vàng 50 cái/hộp. - Kích thước: 52x38x52cm - Sản phẩm được sản xuất bởi cơ sở có chứng nhận quản lý chất lượng ISO 13485.	Cái	100	Hộp/ 50 cái	5,320	532,000	
71	Bộ Điều Kinh Karman Bao Gồm Ông Hút Điều Kinh Từ Số 4 Đến Số 5	- Phá bỏ (Hút) thai nhỏ (sau chậm kinh khoảng 1-2 tuần) bằng bơm hút tay chân không, không sử dụng điện. Điều trị sảy thai không trọn hoặc sinh thiết nội mạc tử cung. Thay thế an toàn cho các dụng cụ nạo thai khác. Tiệt trùng bằng khí E.O	Bộ	20	1 Bộ/ bịch	73,500	1,470,000	
72	Bao đo máu sau khi sinh	- Dung tích 2000ml. Chất liệu: màng nhựa PE trong. - Kích thước: 1.050mm x 700mm. - Có 4 băng keo dán định vị. Có vách chia (từ 250ml đến 2000ml) - Tiệt trùng bằng khí OE Gas, kiểm định không độc tố. -Tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Cái	200	1 Cái / gói	7,500	1,500,000	
73	Tăm bông	Que lấy bệnh phẩm đã tiệt trùng, thân que bằng nhựa, hai đầu gòn, chiều dài ≥15cm	Gói	100	Gói/ 100 cây	39,000	3,900,000	

STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
74	Tạp dề y tế ( 110cm x 120cm )	Màu xanh, trắng chất liệu sợi polyester tafeta, có phủ P siêu chống thấm, không gây hại cho sức khỏe. Sản phẩm được sản xuất bởi cơ sở có chứng nhận quản lý chất lượng ISO 13485.	Cái	250	Gói/ 1 cái	6,500	1,625,000	
75	Kẹp rôn	Kẹp rôn sơ sinh - Công dụng: dùng để kẹp dây rôn trẻ sơ sinh. - Chất liệu: ABS, PE, PP. - Màu sắc: Trắng, màu tự chọn. - Kích thước: 5cm, 5.5cm. - Tiệt trùng, không chứa DEHP	Cái	200	Hộp/ 100 cái	1,500	300,000	
76	Que phết âm đạo	Thân que bằng nhựa, 1 đầu cước, tiệt trùng từng cây, chiều dài ≥16cm	Cây	500	Bịch /100 cây	3,000	1,500,000	
77	Tấm bông rửa mắt cân dài	Tấm bông vệ sinh mắt đã tiệt trùng, thân que bằng nhựa, một đầu gòn, chiều dài 15cm	Gói	160	Gói/ 100 que	35,000	5,600,000	
<b>Phần 06: Các loại vật tư xét nghiệm.</b>							<b>316,316,500</b>	
78	Lam kính lam tròn 7102	Size: 25.4x76.2mm, độ mỏng 1-1,2mm, bề mặt trơn	Hộp	60	Hộp/72 miếng	35,000	2,100,000	
79	Lam kính nhám 7105	Lam kính nhám - Chất Liệu: bằng thủy tinh, bề mặt nhám - Kích cỡ : 25.4x76.2mm. - Độ mỏng 1-1,2mm.	Hộp	30	Hộp/ 72 cái	28,000	840,000	
80	Lọ đựng đằm	Lọ lấy mẫu được la từ nhựa PS (Polystyrene) trung tính nên phù hợp lấy mẫu thử dùng trong xét nghiệm. Lọ có dung tích 50mL, chiều cao 58mm và đường kính 42mm Lấy và chuyên chở bệnh phẩm đằm dùng trong xét nghiệm soi tìm trực khuẩn kháng acid	Lọ	3,000	100 lọ/ bịch	3,870	11,610,000	
81	Lọ đựng bệnh phẩm nước tiểu	Lọ nhựa trong suốt, dung tích 55ml, nắp nhựa màu đỏ, có nhãn. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	Cái	18,000	Bịch/ 100 Cái	1,635	29,430,000	
82	Lọ đựng bệnh phẩm phân	Nhựa PS (nhựa trung tính, tinh khiết 100%) trắng trong, nắp màu vàng hoặc đỏ, có thìa lấy phân bên trong.	Cái	200	Bịch/ 100 Cái	3,040	608,000	
83	Lamen 22*22	- Tất cả các lammen được làm bằng chất liệu đặc biệt của Hydrolytical mà không có bất kỳ sai sót, mặt cắt chính xác. Kích thước: 22mm x 22mm	Hộp	5	Hộp/ 100 miếng	27,500	137,500	

STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
84	Kim lancet	Được sản xuất từ thép Carbon, đầu mũi kim được vát nhọn với công nghệ sản xuất hiện đại. Tiệt trùng từng cây.	Hộp	5	Hộp/ 200 cái	60,000	300,000	
85	Đầu Col vàng có khóa	Chất liệu: Nhựa PP. Kích thước: 0-200ul	Cái	30,000	1.000 cái/ gói	110	3,300,000	
86	Đầu Col xanh có khóa	Đầu col xanh ( có khóa, không khóa ) - Chất liệu nhựa PVC, trung tính không phản ứng với hóa chất, màu Xanh, dung tích hút 0 – 1.000ul phù hợp với nhiều loại pipette.	Cái	24,000	Bịch 500 cái	147	3,528,000	
87	Ống nghiệm nắp đỏ	- Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm, dung tích tối đa $6 \pm 0.1$ ml, nắp nhựa màu đỏ. Hóa chất bên trong là hạt nhựa Polystyrene. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	ống	1,000	Thùng/ 2.400 ống	1,315	1,315,000	
88	Ống nghiệm Heparine	* Kích thước 12x75. Nắp màu đen. * Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparin lithium. * Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 1ml hoặc 2ml máu với vạch lấy mẫu 1ml hoặc 2ml trên nhãn ống. * Dùng xét nghiệm Ion đồ Na <sup>+</sup> , K <sup>+</sup> , Ca <sup>2+</sup> , Cl <sup>-</sup> ... trừ Li <sup>+</sup> . Ngoài ra còn sử dụng cho các xét nghiệm sinh hóa đặc biệt là NH <sub>3</sub> và định lượng Alcool trong máu. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. * Có giấy phép lưu hành của Bộ Y Tế cấp.	Ống	18,000	Thùng/ 2.400 ống	1,300	23,400,000	
89	Ống nghiệm trắng nắp xoắn không nhãn 5 ml	* Kích thước 12x75. Nhựa PS trắng trong nắp ấn trong màu trắng. * Sử dụng nhựa tinh khiết trung tính không phản ứng với các loại hóa chất chứa bên trong. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. * Có giấy phép lưu hành của Bộ Y Tế cấp.	Ống	18,000	Bịch/ 500 ống	770	13,860,000	
90	Ống nghiệm Edta 0.5ml	- Ống huyết thanh 2ml nắp bật hoặc ống cryo 1.8ml nắp xoắn vặn, nhãn màu xanh dương. - Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA) . - Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c..). - Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 0.5ml có thể dùng máu mao mạch chuyên dùng cho các bệnh nhân nhi. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Có giấy phép lưu hành của Bộ Y Tế cấp.	Ống	4,000	Thùng/ 2.400 ống	1,105	4,420,000	

STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú	
91	Ống nghiệm EDTA 2ml	- Kích thước 12x75mm. Nắp xanh dương. - Hòa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA). - Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c...) - Hòa chất bên trong dùng kháng đông cho 1ml hoặc 2ml máu với vạch lấy mẫu 1ml hoặc 2ml riêng biệt trên nhãn ống. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - Có giấy phép lưu hành của Bộ Y Tế cấp.	Ống	54,000	Thùng/ 2.400 ống	1,105	59,670,000		
92	Cuvett	Thành giếng siêu mỏng cho phép truyền nhiệt chính xác để có kết quả tối ưu. Vi đĩa có thể được niêm phong bằng dải nắp 8 hoặc 12, Axygen AxyMats hoặc màng film. Micro well strip Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động Chemwell 2910 Hộp 320 thanh, mỗi thanh chứa 12 giếng	Khay	2,000	Hộp 320 thanh, mỗi thanh chứa 12 giếng	79,584	159,168,000		
93	Ống nghiệm Chimigly nắp xám 2ml	* Ống nghiệm nhựa PP, kích thước 13x75mm, dung tích tối đa 6ml ± 0.1ml ,nắp nhựa LDPE màu đen. * Bên trong là chất kháng đông Heparin Lithium, Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 3.000 vòng/phút trong thời gian 5 phút (có phiếu kiểm nghiệm xác nhận của đơn vị kiểm chứng). * Hòa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml trên nhãn ống. * Dùng xét nghiệm Ion đồ Na+, K+, Ca2+, Cl-... trừ Li+. Ngoài ra còn sử dụng cho các xét nghiệm sinh hóa đặc biệt là NH3 và định lượng Alcool trong máu. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Ống	2,000	2.400 ống/thùng	1,315	2,630,000		
<b>Phần 07: Filter lọc khuẩn đo chức năng hô hấp, nẹp ngón tay, nẹp cổ, đai xương đòn. Vật tư y tế tiêu hao các loại: (Dây garo, Nhiệt kế thủy ngân, Giấy điện tim, giấy in huyết học, giấy in ion đồ, que đê lưỡi, khẩu trang y tế, hộp đựng vật sắc nhọn, miếng dán điện cực, giấy in monitor, Giấy siêu âm, Giấy lau kính hiển vi, nẹp gỗ...)</b>								<b>310,492,500</b>	
94	Filter lọc khuẩn đo chức năng hô hấp	-Dùng dùng cho máy đo chức năng hô hấp để lọc khuẩn từ bệnh nhân, có đầu ngâm miệng dùng một lần -Hiệu suất lọc khuẩn: 99.99% -Hiệu suất lọc virus: 99.99% -Trở kháng tại 15pa tại 30L/ phút -Bộ lọc: Lọc theo cơ chế tĩnh điện với chất liệu PP -Chất liệu của vỏ bọc là PS -Tiệt trùng bằng khí EO -Sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng : ISO 13485-2016, EC -Đầu nối với máy: Đường kính trong 45,5mm, đường kính ngoài 48mm. Đầu nối với bệnh nhân: đường kính ngoài 29.5mm.	cái	850	Túi/ 1 cái	24,850	21,122,500		
95	Nẹp cổ mềm các số	Làm từ mút xốp mềm, nhẹ và thoáng khí, vải, khóa Velcro. Dùng cho các trường hợp chấn thương nhẹ, hạn chế vận động.	Cái	20	Bịch /1 cái	55,000	1,100,000		

STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
96	Nẹp cổ cứng	Nẹp cổ cứng H1 - Chất liệu: mút mật độ cao EVA và Có khóa Velcro, thiết kế gồm 2 mảnh riêng biệt. - Công dụng: Hỗ trợ sơ cứu chấn thương đốt sống cổ, treo cổ hoặc căng cổ quá mức, hỗ trợ sau phẫu thuật đốt sống cổ.	Cái	30	Bịch /1 cái	120,000	3,600,000	
97	Nẹp gỗ cố định	Sản phẩm đã được gia công mài mịn các bề mặt Màu sắc và vân gỗ tự nhiên.	Bộ	310	Bộ	122,000	37,820,000	
98	Nẹp bóng chày cố định ngón tay	Nẹp bóng chày - Chất liệu: Làm từ nhôm và đệm mút, thiết kế theo tư thế điều trị. - Công dụng: Dùng cố định khớp ngón tay ở vị trí chức năng khi bị chấn thương. Sản phẩm được sản xuất bởi cơ sở có chứng nhận quản lý chất lượng ISO 13485.	Cái	50	Bịch /1 cái	15,000	750,000	
99	Nhẫn nẹp ngón tay	Nẹp Nhôm Cố Định Xương Ngón Tay Công dụng: - Sử dụng cho người bị gãy xương ngón tay, trật khớp, bong gân, sau phẫu thuật và các chấn thương khác - Không ảnh hưởng đến sự cử động của các ngón tay khác - Chất liệu nhôm, có thể uốn cong cho tương thích với ngón tay bệnh nhân. - Khối lượng nhẹ nhưng hiệu quả cố định tốt - Không gây dị ứng, dễ bảo quản và vệ sinh - Sử dụng được tất cả các ngón	Cái	50	Bịch /1 cái	15,000	750,000	
100	Đai xương đòn các số 6;7;8	Làm từ vải cotton, mút xốp. Có khóa Velcro. Dùng cố định khi chấn thương gãy xương đòn, trật khớp cùng đòn, vỡ xương bả vai, trật khớp ức đòn.	Cái	40	Cái	88,000	3,520,000	
101	Đai vai trái (đai default) các số 6;7;8	Làm từ vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Có khóa Velcro được thiết kế theo tư thế điều trị, sử dụng trong trường hợp trật khớp vai, cố định sau mổ vùng khớp vai, gãy lồi cầu xương cánh tay, viêm khớp vai cấp và mãn tính.	Cái	40	Cái	122,000	4,880,000	
102	Đai vai phải (đai default) các số 6;7;8	Làm từ vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Có khóa Velcro được thiết kế theo tư thế điều trị, sử dụng trong trường hợp trật khớp vai, cố định sau mổ vùng khớp vai, gãy lồi cầu xương cánh tay, viêm khớp vai cấp và mãn tính.	Cái	40	Cái	122,000	4,880,000	
103	Dây garo có khóa nhựa	Dây garo có khóa - Dùng thắt mạch. - Chất liệu: Làm bằng vải ,độ co giãn tốt, có khóa cố định.	Cái	50	Hộp/ 25 sợi	15,500	775,000	



STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
104	Giấy in máy huyết học Size 57mm	- Giấy in cho máy sinh hóa, huyết học - Kích thước: 57mm x 20m (đang cuộn) - Không sọc lưới - Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 13485.	Cuộn	600	Gói/ 4 cuộn	13,000	7,800,000	
105	Giấy điện tim 3 cân (60mm*30m*16mm)	Giấy điện tim 3 cân (sọc đỏ cam) - Kích thước: 60mm x 30m (đang cuộn) - Đang cuộn, bề mặt trơn láng có đường kẻ ô vuông, in chi tiết rõ ràng độ nhạy cao. - Khả năng in ấn chất lượng cao, dính mực tốt, đảm bảo bản in sinh động và sắc nét. - Sử dụng được cho các hãng trên thị trường Nihon Kodan, Fukuda Denshi, Newtech 1503, Neu Cardio E3, ... - Kích thước: 63mm x 30m. - Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 13485.	Cuộn	400	Gói/10 cuộn	17,500	7,000,000	
106	Giấy in monitor sản khoa 152x150mm	- Thông số : Dùng để in kết quả trong sản khoa, không lỗ. - Kích thước: 152*150*200.	Xấp	30	Xấp / 200 tờ	65,750	1,972,500	
107	Giấy điện tim 3 cân (63mm x 30m)	- Đang cuộn, bề mặt trơn láng có đường kẻ ô vuông, in chi tiết rõ ràng độ nhạy cao. - Sử dụng được cho các hãng trên thị trường Nihon Kodan, Fukuda Denshi, Newtech 1503, Neu Cardio E3, ... - Kích thước: 63mm x 30m.	Cuộn	160	Cuộn/ 63mm x 30m	17,000	2,720,000	
108	Giấy siêu âm trắng đen (110mm x 20m)	- Giấy in y tế siêu âm 110mm x 20m - Giấy in siêu âm sử dụng cho máy in nhiệt của các dòng máy in nội soi, siêu âm. Chất liệu giấy tốt có độ tin cậy cao, sắc nét bám màu tốt, không lem nhòe - Kích thước: 110mm x 20m	Cuộn	20	Hộp/ 5 cuộn	115,000	2,300,000	
109	Nhiệt kế hồng ngoại	- Đo trán, thời gian 1 giây - Đo nhiệt độ môi trường - 30 lần nhớ kèm ngày giờ	Cái	20	Hộp 1 cái	995,000	19,900,000	
110	Nhiệt kế thủy ngân	- Chất liệu: Được làm từ thủy tinh trong suốt, bên trong có vạch chia độ và dải thủy ngân - Nhiệt độ đo được tối đa 35-42°C - Đo ở miệng: Đặt đầu có bầu kim loại dưới lưỡi và ngậm chặt miệng lại. Không nói chuyện hoặc cắn nhiệt kế khi sử dụng. Chú ý: Không sử dụng cách này cho trẻ em - Đo ở nách : Nếu đặt ở nách thì để bầu thủy ngân vào hõm nách(bẹn), khép cánh tay vào ngực để kẹp giữ ống thủy . - Đặt nhiệt kế tối thiểu 5 phút ở miệng hoặc nách. - Xoay nhẹ nhiệt kế để nhìn xem mức thủy ngân.	Cái	360	Cái	29,500	10,620,000	

STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
111	Hộp đựng vật sắc nhọn y tế	- Chất liệu: Nhựa HDPE, kháng trùng. - Kích thước: 227 x 136 x 310mm - Màu sắc: Màu vàng y tế, nắp đỏ - Tiêu chuẩn: thân bình có đường kẻ ngang ở mức 3/4 và phía trên có dòng chữ: " không chứa quá vạch này", phía dưới có biểu tượng và dòng chữ chỉ đựng vật sắc nhọn	Cái	375	25 cái/bao	28,500	10,687,500	
112	Miếng dán điện cực tim	Miếng dán ECG - Bề mặt kết dính rất chặt chẽ, độ bám dính thích hợp cho da, ngay cả khi da dính tạp chất. - Tính dẫn truyền cao. - Với sự giúp đỡ của các bề mặt tiếp xúc rộng giữa gel và da, đường truyền dẫn điện không bị ảnh hưởng bởi các tác động bên ngoài.	Miếng	350	50 cái / gói	1,900	665,000	
113	Que dè lưỡi gỗ tiệt trùng từng cây	Thành phần cấu tạo: - Que dè lưỡi gỗ: Gỗ tự nhiên, thớ mịn, đồng nhất, không lõi, không cong vênh. Gỗ được hấp chín trước khi đưa vào sản xuất và sấy khô, đánh bóng khi ra thành phẩm nên đạt độ cứng, nhẵn cao, an toàn trong sử dụng. - Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).	Cái	120,000	Hộp 100 cái	315	37,800,000	
114	Khẩu trang y tế	- Khẩu trang y tế 4 lớp gồm 3 lớp vải không dệt, 1 lớp giấy kháng khuẩn. - 100% vải không dệt polypropylene. Sản phẩm lọc vi khuẩn, bụi mịn BFE > 98%. - Lớp giấy kháng khuẩn. - Thanh định hình mũi. - Dây đeo có tính đàn hồi tốt.	Cái	80,000	Hộp/ 50 cái	600	48,000,000	
115	Dao số 10,11	- Chất liệu: Thép không rỉ, tiệt trùng phương pháp chiếu xạ Gamma. Thiết kế cân đối, mềm dẻo, rất sắc bén, gắn vào cán dễ dàng. - Thao tác thuận tiện cho các phẫu thuật mắt, tai mũi họng, thẩm mỹ; tương thích với cán dao bằng tay. - Tiêu chuẩn Chất lượng: ISO, EC, FDA	Cái	2,000	Hộp / 100 cái	5,000	10,000,000	



STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
116	Ổng nghe	Cấu hình bao gồm: - 01 Ổng nghe - 01 Cáp đầu tai nghe - 01 Màng thay thế Tính năng thông số kỹ thuật: - Loa ổng nghe 2 đầu chất liệu nhôm siêu nhẹ. - Màng đặc biệt cho chất lượng âm thanh hoàn hảo, đường kính 48mm, với mép màng mới, không bị không khí lạnh tác động, đặc biệt phẳng và mềm, thích ứng tốt hơn trên da. - Phần chuông Ø 36 mm. - Tổng chiều dài: 77 cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CFS.	Cái	25	Hộp/ 1 cái	950,000	23,750,000	
117	Dụng cụ đo huyết áp cơ (Người lớn)	- Bộ dụng cụ đo huyết áp cơ chất lượng cao dành cho bác sĩ, y tá kiểm tra huyết áp cho bệnh nhân, hoặc sử dụng tại gia đình. - Đồng hồ áp suất chất lượng cao Ổng nghe huyết áp 2 mặt - Túi hơi chuyên nghiệp Bóng bóp và van xả - Trang bị túi đeo tiện dụng - Tiêu chuẩn thiết bị: EN1060-1; EN1060-3; EN1060-4 - Tương thích điện tử: Theo yêu cầu ANSI/AAMI SP10, NIBP - Thiết bị thỏa mãn các quy định trong tiêu chuẩn Châu Âu EN 60601-1-2. - Nhiệt độ bảo quản: -20 độ C đến +70 độ C - Trọng lượng sản phẩm: 450g Phụ kiện: Túi đựng - Kích thước: 175mm x 70mm x 103mm Nhiệt độ hoạt động: 0 - 48 độ C	Cái	30	Hộp/ 1 cái	396,000	11,880,000	
118	Dụng cụ đo huyết áp cơ (Trẻ em)	Máy đo huyết áp cơ trẻ em: Thông số kỹ thuật: - Chất liệu quả bóp: Cao su - Van xả khí: Mạ crom - Vạch chia: 20-30 mmHg - Độ chính xác: Huyết áp $\pm 3$ mmHg hoặc nhịp tim $\pm 5\%$ - Giới hạn đo: Huyết áp: 0-280 mmHg, Nhịp tim: 40-180 nhịp/phút - Ổng nghe: Hệ thống dây dẫn khí làm bằng chất liệu cao su - Tích hợp ổng nghe FT 801 có độ khuếch đại lớn, nghe êm, không đau tai.	Bộ	10	Bộ (01 hộp tai + 01 hộp máy)	675,000	6,750,000	
119	Máy đo huyết áp điện tử	- Phát hiện rối loạn nhịp tim (PAD) - 30 lần nhớ kèm ngày giờ - Chức năng kiểm tra túi hơi, túi dây rút	Cái	20	Hộp/cái	1,000,000	20,000,000	

STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
120	Giấy test lò hấp diệt trùng	* Comply™ Bowie-Dick Test có thiết kế dạng gói * Vạch chỉ thị màu vàng trên tờ test bên trong được in theo hình đường chéo sẽ chuyển sang màu nâu đen hoặc màu đen đồng nhất nếu đạt. *Nếu chỉ xuất hiện vùng có màu sáng ở giữa tờ test, hoặc có sự khác biệt màu sắc ở các cạnh của tờ test thì không đạt	Gói	70	6 gói/túi (5 túi/thùng)	135,000	9,450,000	
<b>Phần 08: Hóa chất sát khuẩn y tế</b>							<b>484,514,500</b>	
121	Hóa chất khử khuẩn (Cloramin B)	- Dạng bột có màu trắng, hoà tan được trong nước ở nhiệt độ thường, có thành phần chính là Chloramine B (NAC6H5NCLSO2.2H2O, trong đó clo hoạt tính chiếm khoảng 25%, mùi đặc trưng clo. - Công dụng: sát khuẩn đồ dùng, bề mặt, y tế.	Kg	400	25 Kg/ Thùng	145,000	58,000,000	
122	Viên sát khuẩn	- Viên nén hòa tan khử khuẩn 2,7gr, chứa Sodium Dichloroisocyanurate (tương đương 56% w/w chlorine hoạt tính) Khử khuẩn bề mặt dụng cụ, trang thiết bị, tường sàn, vật dụng trong gia dụng và y tế.	Viên	4,000	Hộp/ 100 viên	6,000	24,000,000	
123	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao (OPA)	- Glutaraldehyde 2,7%, pH 6 - 8. - Dung dịch pha sẵn không cần hoạt hoá. Thời gian ngâm khử khuẩn mức độ cao 5-10 phút, diệt khuẩn trong 30 phút. Tái sử dụng trong 90 ngày. Dung dịch khử khuẩn mức độ cao, diệt khuẩn các dụng cụ y tế bao gồm dụng cụ phẫu thuật, nha khoa, dụng cụ không chịu nhiệt... và dụng cụ nội soi - Dung dịch pha sẵn không cần hoạt hóa, không gây hiện tượng ăn mòn, hư hỏng dụng cụ (dụng cụ quang học, dụng cụ nội soi...)	Can	40	Can 5 lít	833,400	33,336,000	
124	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh	- Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh. Hoạt chất: Ethanol 73,5% (w/w), Isopropanol 2,5% (w/w), Chlorhexidine digluconate 0,5% (w/w). Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, Caprylic triglyceride, Isopropyl myristate, Olive Oil PEG-7 Esters... Chất tạo màu, hương liệu. Hàm lượng Methanol: ≤ 2000 (mg/l) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	chai	510	Chai/ 500 ml	127,500	65,025,000	
125	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh	- Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh. Hoạt chất: Ethanol 73,5% (w/w), Isopropanol 2,5% (w/w), Chlorhexidine digluconate 0,5% (w/w). Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, Caprylic triglyceride, Isopropyl myristate, Olive Oil PEG-7 Esters... Chất tạo màu, hương liệu. Hàm lượng Methanol: ≤ 2000 (mg/l) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Can	40	Can 5 Lit	1,150,000	46,000,000	

STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
126	Dung dịch khử khuẩn bề mặt dụng cụ (Cidezyme IL)	- 30 % w/w Isopropyl alcohol; 0,25% w/w Polyhexa-methylene biguanide hydrochloride; 0,1 % w/w Didecyl dimethyl ammonium chloride. - Dung dịch phun khử khuẩn nhanh bề mặt dụng cụ, trang thiết bị, tường sàn, vật dụng trong gia dụng và y tế: dụng cụ nha khoa, trang thiết bị phòng mổ, giường bệnh, bàn ghế khám bệnh, xe cấp cứu, băng ca, máy tính, điện thoại, máy photocopy... - Dung dịch pha sẵn, thời gian tiếp xúc ngắn 2,5-5 phút. - Bề mặt khô nhanh, không để lại các dấu vết trên bề mặt, không cần rửa sạch lại sau khi phun. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Chai	60	Thùng/12 chai; Chai/1 lít	320,000	19,200,000	
127	Cồn tuyệt đối	Thành phần: - Cồn (99,7%) vol Công dụng: - Sát trùng - Tẩy vết bẩn thông thường - Sử dụng để sát khuẩn tay, dụng cụ trong gia dụng, y tế. Sản phẩm được sản xuất bởi cơ sở có chứng nhận quản lý chất lượng ISO 13485.	Lít	10	Chai 1 lít	108,500	1,085,000	
128	Cồn 70 độ	Thành phần: - Cồn (70%) vol - Nước cất Công dụng: - Sát trùng - Tẩy vết bẩn thông thường - Sử dụng để sát khuẩn tay, dụng cụ trong gia dụng, y tế. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lít	800	Can 30 lít	60,000	48,000,000	
129	Cồn 96 độ	Thành phần: - Cồn (96%) vol - Nước cất Công dụng: - Sát trùng - Tẩy vết bẩn thông thường - Sử dụng để sát khuẩn tay, dụng cụ trong gia dụng, y tế. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lít	90	Can 30 lít	65,000	5,850,000	
130	Nước cất 2 lần	Nước cất 2 lần can 20 lít Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lít	1,200	Can 20 lít	30,800	36,960,000	
131	Nước cất	Nước cất 2 lần can 30 lít Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lít	120	Can 30 lít	30,800	3,696,000	

STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
132	Dầu sả	Dung dịch lỏng màu vàng nhạt, có mùi sả đặc trưng. Sản phẩm được sản xuất bởi cơ sở có chứng nhận quản lý chất lượng ISO 13485.	Lit	900	Can 30 lit	137,000	123,300,000	
133	Dung dịch Javen	Trong ngành công nghiệp tẩy trắng vải sợi, tiệt trùng trong xử lý nước và vệ sinh môi trường. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Lit	250	Can 30 lit	32,850	8,212,500	
134	Gel siêu âm	Dạng gel bôi ngoài da, dùng hỗ trợ trong quá trình siêu âm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Can	60	Can/ 5lit	197,500	11,850,000	
<b>Phần 09: Vật tư y tế dùng trong nha khoa.</b>							<b>338,321,100</b>	
135	Colgutapereha các số 20	Côn chính ốp ống tùy cỡ 20, độ thuận 6%	Hộp	13	Hộp 120 cây	105,500	1,371,500	
136	Colgutapereha các số 25	Côn chính ốp ống tùy cỡ 25, độ thuận 6%	Hộp	13	Hộp 120 cây	105,500	1,371,500	
137	Colgutapereha các số 30	Côn chính ốp ống tùy cỡ 30, độ thuận 6%	Hộp	13	Hộp 120 cây	105,500	1,371,500	
138	Colgutapereha các số 35	Côn chính ốp ống tùy cỡ 35, độ thuận 6%	Hộp	13	Hộp 120 cây	105,500	1,371,500	
139	Colgutapereha các số 40	Côn chính ốp ống tùy cỡ 40, độ thuận 6%	Hộp	13	Hộp 120 cây	105,500	1,371,500	
140	Colgutapereha các số 45	Côn chính ốp ống tùy cỡ 45, độ thuận 6%	Hộp	13	Hộp 120 cây	105,500	1,371,500	
141	Colgutapereha số 15	Côn Gutta Percha trám bit vĩnh viễn với nhiều kích cỡ cùng vạch chia chiều dài Độ thuận 2%	Cái	910	Hộp/ 120 cây	897	816,270	
142	Colgutapereha số 50	Côn Gutta Percha trám bit vĩnh viễn với nhiều kích cỡ cùng vạch chia chiều dài Độ thuận 2%	Cái	780	Hộp/ 120 cây	897	699,660	
143	Colgutapereha số 55	Côn Gutta Percha trám bit vĩnh viễn với nhiều kích cỡ cùng vạch chia chiều dài Độ thuận 2%	Cái	780	Hộp/ 120 cây	897	699,660	
144	Colgutapereha số 60	Côn Gutta Percha trám bit vĩnh viễn với nhiều kích cỡ cùng vạch chia chiều dài Độ thuận 2%	Cái	780	Hộp/ 120 cây	897	699,660	
145	Lentulo 30	Lentulo, chiều dài 21mm hoặc 25mm	Cái	28	4cái/vĩ	32,500	910,000	
146	Lentulo 40	Đường kính: 0.4mm ; Chiều dài 21mm hay 25mm	Cái	28	4cái/vĩ	32,500	910,000	

STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
147	Mũi đánh bóng miếng trám Composite	Đầu đánh bóng răng bằng silicon dùng trong trám răng composite - Chất liệu: phần đầu bằng silicone, phần thân bằng nhựa hoặc thép không gỉ - Hình dạng: đĩa, chóp... - Chiều dài: khoảng 2.5 → 3 cm - Tương thích với tay khoan khuấy/thăng tốc độ chậm Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA.	Mũi	18	Mũi	58,500	1,053,000	
148	Sò đánh bóng acclean nha khoa	Sò đánh bóng, RDA 250, 125 micron	Viên	432	Hộp 144 viên	5,800	2,505,600	
149	Đai kim loại	- Đai trám kim loại: Có hình dạng theo giải phẫu cho các tiếp xúc lý tưởng. Đường cong ở gờ bên tạo khoảng tiếp cận mặt nhai. Có lỗ bên giúp dễ đặt khuôn. Đai trám dễ tương thích và dễ đánh bóng hơn. Đai trám có chiều cao 3.5mm, 4.5mm, 5.5mm, 6.5mm, 7.5mm,...	Cái	50	Hộp/50 cái	54,000	2,700,000	
150	Cán Gương nha khoa	Cán gương dùng trong nha khoa Chất liệu: Thép không gỉ hoặc nhôm hoặc tương đương. Có thể hấp tiệt trùng Chiều dài khoảng 120mm-130mm.	Chiếc	20	1 Chiếc/ hộp	450,000	9,000,000	
151	Thăm trám (nha khoa)	Thăm châm 1 đầu, mũi 4.5 mm, dài 150 mm Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương. Có thể hấp tiệt trùng.	Cái	26	1 Chiếc/ hộp	458,000	11,908,000	
152	Trám nội nha số 45 dài 21mm	- Kích cỡ (đường kính đầu mũi trám) (mm): 0,45mm - Chiều dài làm việc: 21mm - Cách sử dụng: xoay lắc đảo chiều, xoay 1/4 và xoay ngược lại 1/3 - Hình dáng tiết diện: hình tam giác (▲).	Cái	54	Vi/6 cái	25,000	1,350,000	
153	Trám nội nha số 50 dài 21mm	- Kích cỡ (đường kính đầu mũi trám) (mm): 0,5mm - Chiều dài làm việc: 21mm - Cách sử dụng: xoay lắc đảo chiều, xoay 1/4 và xoay ngược lại 1/3 - Hình dáng tiết diện: hình tam giác (▲).	Cái	54	Vi/6 cái	25,000	1,350,000	
154	Trám nội nha số 55 dài 21mm	- Kích cỡ (đường kính đầu mũi trám) (mm): 0,55 mm - Chiều dài làm việc: 21mm - Cách sử dụng: xoay lắc đảo chiều, xoay 1/4 và xoay ngược lại 1/3 - Hình dáng tiết diện: hình tam giác (▲)	Cái	54	Vi/6 cái	25,000	1,350,000	

STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
155	Trâm nội nha số 60 dài 21mm	- Kích cỡ (đường kính đầu mũi trâm) (mm): 0,6mm - Chiều dài làm việc: 21mm - Cách sử dụng: xoay lắc đảo chiều, xoay 1/4 và xoay ngược lại 1/3 - Hình dáng tiết diện: hình tam giác (▲).	Cái	54	Vi/6 cái	25,000	1,350,000	
156	Trâm nội nha số 15 dài 25mm	- Kích cỡ (đường kính đầu mũi trâm) (mm): 0,15 mm - Chiều dài làm việc: 25mm - Cách sử dụng: xoay lắc đảo chiều, xoay 1/4 và xoay ngược lại 1/3 - Hình dáng tiết diện: hình tam giác (▲)	Cái	54	Vi/6 cái	25,000	1,350,000	
157	Trâm nội nha số 20 dài 25mm	- Kích cỡ (đường kính đầu mũi trâm) (mm): 0,2 mm - Chiều dài làm việc: 25mm - Cách sử dụng: xoay lắc đảo chiều, xoay 1/4 và xoay ngược lại 1/3 - Hình dáng tiết diện: hình tam giác (▲)	Cái	54	Vi/6 cái	25,000	1,350,000	
158	Trâm nội nha số 25 dài 25mm	- Kích cỡ (đường kính đầu mũi trâm) (mm): 0,25 mm - Chiều dài làm việc: 25mm - Cách sử dụng: xoay lắc đảo chiều, xoay 1/4 và xoay ngược lại 1/3 - Hình dáng tiết diện: hình tam giác (▲).	Cái	54	Vi/6 cái	25,000	1,350,000	
159	Trâm nội nha số 30 dài 25mm	- Kích cỡ (đường kính đầu mũi trâm) (mm): 0,3 mm - Chiều dài làm việc: 25mm - Cách sử dụng: xoay lắc đảo chiều, xoay 1/4 và xoay ngược lại 1/3 - Hình dáng tiết diện: hình tam giác (▲).	Cái	54	Vi/6 cái	25,000	1,350,000	
160	Trâm nội nha số 35 dài 25mm	- Kích cỡ (đường kính đầu mũi trâm) (mm): 0,35 mm - Chiều dài làm việc: 25mm - Cách sử dụng: xoay lắc đảo chiều, xoay 1/4 và xoay ngược lại 1/3 - Hình dáng tiết diện: hình tam giác (▲)	Cái	54	Vi/6 cái	25,000	1,350,000	
161	Trâm nội nha số 10 dài 21mm	- Kích cỡ (đường kính đầu mũi trâm) (mm): 0,1 mm - Chiều dài làm việc: 21mm - Cách sử dụng: xoay lắc đảo chiều, xoay 1/4 và xoay ngược lại 1/3 - Hình dáng tiết diện: hình tam giác (▲)	Cái	66	Vi/6 cái	25,000	1,650,000	
162	Trâm nội nha số 15 dài 21mm	- Kích cỡ (đường kính đầu mũi trâm) (mm): 0,15 mm - Chiều dài làm việc: 21mm - Cách sử dụng: xoay lắc đảo chiều, xoay 1/4 và xoay ngược lại 1/3 - Hình dáng tiết diện: hình tam giác (▲)	Cái	66	Vi/6 cái	25,000	1,650,000	
163	Trâm nội nha số 20 dài 21mm	- Kích cỡ (đường kính đầu mũi trâm) (mm): 0,2 mm - Chiều dài làm việc: 21mm - Cách sử dụng: xoay lắc đảo chiều, xoay 1/4 và xoay ngược lại 1/3 - Hình dáng tiết diện: hình tam giác (▲).	Cái	66	Vi/6 cái	25,000	1,650,000	

STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
164	Trâm nội nha số 25 dài 21mm	- Kích cỡ (đường kính đầu mũi trâm) (mm): 0,25 mm - Chiều dài làm việc: 21mm - Cách sử dụng: xoay lắc đảo chiều, xoay 1/4 và xoay ngược lại 1/3 - Hình dáng tiết diện: hình tam giác (▲).	Cái	78	Vi/6 cái	25,000	1,950,000	
165	Trâm nội nha số 30 dài 21mm	- Kích cỡ (đường kính đầu mũi trâm) (mm): 0,3 mm - Chiều dài làm việc: 21mm - Cách sử dụng: xoay lắc đảo chiều, xoay 1/4 và xoay ngược lại 1/3 - Hình dáng tiết diện: hình tam giác (▲)	Cái	78	Vi/6 cái	25,000	1,950,000	
166	Trâm nội nha số 35 dài 21mm	- Kích cỡ (đường kính đầu mũi trâm) (mm): 0,35 mm - Chiều dài làm việc: 21mm - Cách sử dụng: xoay lắc đảo chiều, xoay 1/4 và xoay ngược lại 1/3 - Hình dáng tiết diện: hình tam giác (▲)	Cái	78	Vi/6 cái	25,000	1,950,000	
167	Trâm nội nha số 40 dài 21mm	- Kích cỡ (đường kính đầu mũi trâm) (mm): 0,40 mm - Chiều dài làm việc: 21mm - Cách sử dụng: xoay lắc đảo chiều, xoay 1/4 và xoay ngược lại 1/3 - Hình dáng tiết diện: hình tam giác (▲)	Cái	78	Vi/6 cái	25,000	1,950,000	
168	Trâm nội nha số 08 dài 21mm	- Kích cỡ (đường kính đầu mũi trâm) (mm): 0,8 mm - Chiều dài làm việc: 21mm - Cách sử dụng: xoay lắc đảo chiều, xoay 1/4 và xoay ngược lại 1/3 - Hình dáng tiết diện: hình tam giác (▲)	Cái	66	Vi/6 cái	25,000	1,650,000	
169	Cán dao số 3 (nha khoa)	- Dụng cụ sản xuất bằng thép không gỉ cao cấp. - Cán vàng - Dụng cụ có độ bền cao, thiết kế tinh xảo. - Hấp được ở nhiệt độ cao. - Thiết kế cán đẹp, dài 12mm, có vạch đo độ dài trên thân.	Cái	4	Cái	495,000	1,980,000	
170	Nạy thẳng 2mm, 3mm, 4mm, 5mm (nha khoa)	Dụng cụ sản xuất từ thép không gỉ cao cấp, hấp được ở nhiệt độ cao, cán to, nhám để cầm, đầu làm việc thẳng rộng 5mm.	Cái	7	Cái	215,000	1,505,000	
171	Đài cao su đánh bóng	- Đài cao su đánh bóng răng, kết hợp paste đánh bóng sau cao với - Đánh bóng miềng trám composite và bề mặt răng sứ - Độ bền cao, có thể hấp tái sử dụng - Công dụng làm sạch và đánh bóng bề mặt răng sau cạo vôi, đánh bóng composite và bề mặt răng sứ, dạng trụ/ đĩa/ cup	Hộp	1	Hộp 144 cây	555,000	555,000	
172	Dung dịch sát trùng ống tủy	Dung dịch sát trùng tủy sống( thành phần chính: parschlorophenol và Camphor) hoặc tương đương.	Lọ	5	Lọ /15ml	345,500	1,727,500	
173	Kim nha ngắn 27G-21 mm	- Cỡ kim: 27G - Chiều dài kim: 21mm - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, EC.	Cái	2,600	Hộp/100 cái	2,400	6,240,000	

STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
174	Kim nha dài 27G-35mm	-Thân kim được sillic hóa giúp tiêm dễ dàng hơn, giảm thiểu sự khó chịu của bệnh nhân - Mũi kim thiết kế 2 diện cắt tạo mũi kim Ultra-sharp, có hình dạng tam giác nhọn, sắc bén giúp loại bỏ cảm giác đau khi tiêm - Có mũi tên ký hiệu trên đốc kim giúp dễ dàng nhận diện góc xiên của mũi kim, đốc kim có mã hóa màu để dễ dàng nhận diện kích thước của kim Kích thước kim 27G (0.4) x 30mm	Cái	900	Hộp/100 cái	2,400	2,160,000	
175	Composite đặc màu A2	- Composite đặc trám thẩm mỹ - Thẩm mỹ cao, dễ tạo hình. Chịu lực tốt. - Phù hợp trám răng trước và răng sau.	Hộp	10	1 ống 4g/hộp	385,000	3,850,000	
176	Composite đặc màu A3	- Composite đặc trám thẩm mỹ - Thẩm mỹ cao, dễ tạo hình. Chịu lực tốt. - Phù hợp trám răng trước và răng sau.	Hộp	13	1 ống 4g/hộp	385,000	5,005,000	
177	Composite đặc màu A3.5	- Composite đặc trám thẩm mỹ - Thẩm mỹ cao, dễ tạo hình. Chịu lực tốt. - Phù hợp trám răng trước và răng sau.	Hộp	13	1 ống 4g/hộp	385,000	5,005,000	
178	Composite đặc màu A4	Composite trám thẩm mỹ răng sau.	Hộp	10	1 ống 4g/hộp	385,000	3,850,000	
179	Composite đặc màu B2	Là loại composite quang trùng hợp, được thiết kế tạo lại các đặc tính cơ học và phân xạ ánh sáng của răng tự nhiên, vì vậy có thể đáp ứng tốt với các lực nhai. Trám trực tiếp răng trước và răng sau (kể cả mặt nhai). Tái tạo cùi răng, nẹp các răng. Các phục hồi gián tiếp như inlay, onlay, veneer.	Hộp	10	1 ống 4g/hộp	385,000	3,850,000	
180	Bình xịt khử trùng lạnh	Thành phần: Ethanol, Didecylidimethylammonium chloride, Chlorhexidine digluconate. Khử khuẩn nhanh các bề mặt, trang thiết bị trong phòng mổ, khu vực có nguy cơ lây nhiễm cao, phòng thay băng, chăm sóc bệnh nhân. đóng gói :chai 1 lít . bảo quản ở nhiệt độ thoáng mát , tránh tiếp xúc với ánh nắng mặt trời .	Chai	15	Chai/1 lít	395,000	5,925,000	
181	Cement trám màu A3	- Xi măng glass ionomer hóa trùng hợp có khả năng phóng thích fluoride, ngăn ngừa sâu răng. - Bảo quản mát 25°C.	Hộp	15	Hộp /15g:8ml	1,365,000	20,475,000	
182	Chất trám bit ống tủy	Với thành phần chính là Prednisolone acetate 1,1%; Iod Thymol; Kẽm oxit; Bari sunfat và tá dược. Cortisolomol có nhiều đặc điểm phù hợp để làm đầy và tái tạo cùi răng sâu. Công dụng : trám bit tủy , cô lập răng khỏi nhiễm khuẩn. Bảo quản mát 25°C.	Lọ	5	Lọ 25ml	1,145,000	5,725,000	

STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
183	Chất Trám Tam (Eugenate)	Dạng kem mịn dễ dàng đặt vào chỗ răng sâu Có độ bám tốt trên răng Không cần trộn Vật liệu cứng nhanh, dễ tháo gỡ thành mảng lớn Độ khít sát lớn, không bị rò rỉ, không bị bội nhiễm Không chất Eugenol, không ảnh hưởng tới miếng trám composite sau này	Lọ	15	Lọ / 30 g	165,000	2,475,000	
184	Tê bôi	Thành phần: Benzocaine 20% - Là dạng gel gay tê bề mặt có mùi hoa quả tạo cảm giác thoải mái dùng trong nha khoa. - Bảo quản mát 25°C .	lọ	10	Lọ /30ml	145,000	1,450,000	
185	Keo trám Bonding	Chất kết dính cho ngà và men răng, đảm bảo vật liệu có thể thấm xuyên qua các sợi collagen và ống ngà đồng thời giữ ẩm bề mặt ngà răng. Có khả năng hòa tan (tương thích với nước) Chỉ cần 1 lớp phủ đều lên bề mặt Tiêu chuẩn ISO 13485.	Lọ	10	Lọ/ 5 ml	1,657,000	16,570,000	
186	Cọ quét Bonding	Cọ quét bond dùng trong nha khoa, chất liệu nhựa, màu trắng, chổi đầu nhỏ.	hộp	20	Hộp/ 100 cái	85,000	1,700,000	
187	Mặt gương nha khoa	Mặt gương dùng trong nha khoa để gắn vào cần gương. Chất liệu: thép không rỉ hoặc tương đương. Có thể hấp tiệt trùng. Đường kính khoảng 20, 22, 24 mm.	Hộp	65	1 Chiếc/ hộp	75,750	4,923,750	
188	Mũi búp lũa kim cương	Mũi khoan kim cương.	Cái	65	Cái	40,000	2,600,000	
189	Mũi khoan tròn kim cương 1016G	- Mũi khoan kim cương đầu tròn có nhiều đường kính khác nhau - Có các loại hạt kim cương với độ thô khác nhau: trung bình 64~126 micron (M); Cực mịn 15 micron (UF), Siêu Mịn 10~36 micron (SF), Mịn 27~76 micron thô (F), Thô 107~181 micron (C), Siêu thô 151~213 micron (SC) - Chiều dài: 19mm.	Cái	65	Hộp/5 cái	40,000	2,600,000	
190	Mũi khoan tròn kim cương TR-13F	Mũi khoan kim cương TR-13F - Chiều dài làm việc: ≥9mm - Đường kính: ≥1,8 mm.	Cái	65	Vi/5 mũi	40,000	2,600,000	
191	Mũi khoan trụ tung sten higspeed	Mũi cắt mào thông dạng, màu vàng, đường kính 1 mm, chiều dài 4.2mm, dùng với tay khoan nhanh.	Cái	65	Vi/5 mũi	100,000	6,500,000	
192	Mũi khoan trụ tung sten higspeed	Mũi cắt mào màu vàng, đường kính 1.2mm, dài 4.2mm, dùng với tay khoan nhanh.	Cái	65	Vi/5 mũi	95,000	6,175,000	

STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
193	Mũi trụ kim cương thon đầu tròn kích thước trung bình	Mũi khoan kim cương trụ ngắn đủ cỡ: 008-014 mm.	Cái	65	Vi/5 mũi	40,000	2,600,000	
194	Mũi khoan tròn kim cương TF-12F	Mũi khoan kim cương TF-12F - Chiều dài làm việc: ≥10 mm - Đường kính: ≥1,6 mm.	Cái	65	Vi/ 5 mũi	40,000	2,600,000	
195	Mũi khoan tròn kim cương TR-12	Mũi khoan kim cương TR-12 - Chiều dài làm việc: ≥10 mm - Đường kính: ≥1,6 mm.	Cái	65	Vi/ 5 mũi	40,000	2,600,000	
196	Mũi khoan tròn kim cương BR-45C	- Mũi khoan kim cương dùng mài cùi phục hình trong nha khoa- 5 mũi/ 1 vĩ. - Bảo quản nhiệt độ bình thường.	Cái	65	5 mũi/ vĩ	40,000	2,600,000	
197	Mũi Khoan đầu tròn kim cương BR-40C	- Mũi khoan kim cương dùng mài cùi phục hình trong nha khoa. - Bảo quản nhiệt độ bình thường.	Cái	65	5 mũi/ vĩ	40,000	2,600,000	
198	Mũi khoan đầu thuôn kim cương TR- 11C	- Mũi khoan kim cương dùng mài cùi phục hình trong nha khoa. - Bảo quản nhiệt độ bình thường.	Cái	65	5 mũi/ vĩ	40,000	2,600,000	
199	Mũi khoan búp lửa kim cương FO-100C	- Mũi khoan kim cương dùng mài cùi phục hình trong nha khoa. - Bảo quản nhiệt độ bình thường.	Cái	65	5 mũi/ vĩ	40,000	2,600,000	
200	Ống hút nước bọt	Ống hút nước bọt đầu màu xanh, không ri sét, dễ dàng tạo hình. Đầu ống trơn láng mềm mại để tránh hút dính vào mô.	Túi	20	Túi 100 chiếc	95,000	1,900,000	
201	Trâm gai trắng	Chiều dài: 21mm size: 0.30; 0.36; 0.42; 0.50; 0.58; 0.66.	Cây	264	Hộp/ 6 cây	17,000	4,488,000	
202	Trâm gai xanh	Chiều dài: 21mm size: 0.30; 0.36; 0.42; 0.50; 0.58; 0.66.	Cây	264	Hộp/ 6 cây	17,000	4,488,000	
203	Trâm gai vàng	Chiều dài: 21mm size: 0.30; 0.36; 0.42; 0.50; 0.58; 0.66.	Cây	264	Hộp/ 6 cây	17,000	4,488,000	
204	Kim nha trẻ em 30G/0.3mm	Thân kim được sillic hóa giúp tiêm dễ dàng hơn, giảm thiểu sự khó chịu của bệnh nhân Mũi kim thiết kế 2 diện cắt tạo mũi kim Ultra-sharp, có hình dạng tam giác nhọn, sắc bén giúp loại bỏ cảm giác đau khi tiêm Có mũi tên ký hiệu trên đốc kim giúp dễ dàng nhận diện góc xiên của mũi kim, đốc kim có mã hóa màu để dễ dàng nhận diện kích thước của kim Kích thước kim 30G (0.3) x 21mm.	Cái	400	Hộp / 100 cái	265,000	106,000,000	

STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú	
205	Trâm tay nạo nội nha dài 21mm các số 15,20,25,30	Sửa soạn và làm sạch ống tủy trong điều trị nội nha. Đặc điểm thiết kế: Lưỡi cắt sắc bén và bề mặt được xử lý phẳng mịn. Tiết diện hình tròn, có ký hiệu và số trên cán để dễ nhận biết. Có độ linh hoạt và độ bền cao. - Chiều dài làm việc: 18mm, 21mm, 25mm, 28mm, 31mm - Size: số 10, 15, 20, 25, 30, 35, 40, 45, 50, 55, 60, 70, 80	Cái	60	vĩ/ 6 cái	25,000	1,500,000		
206	Xốp cầm máu nha khoa	Cầm máu (2*2*0.5cm) được vô trùng và sẵn dùng. Phải chắc răng miếng xốp sẽ phá hủy cấu trúc của nó và ngăn chặn tụ máu trong miếng xốp Cầm máu (2*2*0.5cm) là sản phẩm tương thích sinh học hiệu quả đáng tin cậy cho việc điều trị sau nhổ răng Sản phẩm bông cầm máu được thiết kế đặc biệt để cung cấp giải pháp cầm máu hiệu quả cho các vết thương hở trong nhiều lĩnh vực y tế, phẫu thuật và điều trị nha khoa. Cụ thể, sản phẩm này được sử dụng rộng rãi trong các tình huống như nhổ răng, tiểu phẫu và các thủ thuật y tế khác.	Cái	100	gói/ 6 miếng	23,000	2,300,000		
207	Bơm Tiêm áp lực nha khoa	Ống chích nha khoa có khả năng rút ngược, an toàn hơn trong quá trình gây tê cho bệnh nhân. Ống chích inox chuyên dùng trong lĩnh vực nha khoa: gây tê tại chỗ, gây tê vùng... Dung tích 1,8cc. Chất liệu thép, hạn chế rỉ sét Thiết kế móc độc đáo giúp hút tốt Hấp diệt trùng ở nhiệt độ 132 độ C	Cái	10	cái	1,283,000	12,830,000		
<b>Phần 10: Phim khô laser</b>									
208	Phim X-Quang 20x25cm	- Kích cỡ: 20cm x 25cm (8x10 inch) - Phim khô kỹ thuật số công nghệ in laser - Tương thích với các dòng máy in phim Drypix Series hiện có của đơn vị và Tự động nhận diện được số lượng phim thay hộp mới. - Xuất xứ: Các nước công nghiệp phát triển G7 hoặc Châu Âu - Cấu tạo phim 4 lớp + Lớp trên: $\geq 86\%$ gelatin độ dày: $2.0 \mu\text{m} \pm 0.5 \mu\text{m}$ + Lớp nền xanh: $\geq 99,5\%$ polyethylene terephthalate; độ dày: $169 \mu\text{m} \pm 3 \mu\text{m}$ + Lớp nhạy: $\geq 36\%$ light sensitive agents; độ dày: $10.0 \mu\text{m} \pm 1 \mu\text{m}$ + Lớp dưới: $\geq 86\%$ gelatin độ dày: $3.0 \mu\text{m} \pm 0.5 \mu\text{m}$ - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485, CFS hoặc tương đương.	Tấm	11,000	150 Tấm/Hộp	15,698	172,678,000		
							<b>503,008,000</b>		

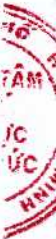
STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
209	Phim X Quang 26x36cm	<p>Kích cỡ: 26X36cm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phim khô kỹ thuật số công nghệ in laser</li> <li>- Tương thích với các dòng máy in phim Drypix Series hiện có của đơn vị và Tự động nhận diện được số lượng phim thay hộp mới.</li> <li>- Xuất xứ: Các nước công nghiệp phát triển G7 hoặc Châu Âu</li> <li>- Cấu tạo phim 4 lớp</li> <li>+ Lớp trên: <math>\geq 86\%</math> gelatin độ dày: <math>2.0 \mu\text{m} \pm 0.5 \mu\text{m}</math></li> <li>+ Lớp nền xanh: <math>\geq 99.5\%</math> polyethylene terephthalate; độ dày: <math>169 \mu\text{m} \pm 3 \mu\text{m}</math></li> <li>+ Lớp nhạy: <math>\geq 36\%</math> light sensitive agents; độ dày: <math>10.0 \mu\text{m} \pm 1 \mu\text{m}</math></li> <li>+ Lớp dưới: <math>\geq 86\%</math> gelatin độ dày: <math>3.0 \mu\text{m} \pm 0.5 \mu\text{m}</math></li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485, CFS hoặc tương đương.</li> </ul>	Tấm	11,000	150 Tấm/Hộp	30,030	330,330,000	
<b>Phần 11: Test sinh phẩm</b>							<b>697,073,000</b>	
210	Que thử đường huyết và kim lấy máu	<p>Công nghệ: Cảm biến sinh học/Điện hóa, đường oxidase (GOD)</p> <p>Mỗi que thử chứa các thành phần phản ứng hóa học sau: Glucose oxidase &lt; 25 IU, Chất trung gian (Mediator) &lt; 300 <math>\mu\text{g}</math>.</p> <p>Thời gian đo: 10 giây</p> <p>Lượng mẫu tối thiểu: 0.5 <math>\mu\text{L}</math></p> <p>Loại mẫu xét nghiệm: Máu tươi toàn phần từ mao mạch</p> <p>Phạm vi HCT: 25 - 60%</p> <p>Khoảng đo đường huyết: 1.1 - 33.3mmol/L (20 - 600mg/dL)</p> <p>Giá trị YSI tham chiếu được đo từ mẫu máu mao mạch lấy từ đầu ngón tay với khoảng giá trị mẫu phẩm từ 1.9 đến 28.2 mmol/L (34.3 đến 507 mg/dL), cho kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt 100% nằm trong khoảng <math>\pm 15\%</math> với nồng độ đường huyết &lt; 5.55 mmol/L (100 mg/dL)</li> <li>- Đạt 99,6% nằm trong khoảng <math>\pm 15\%</math> với nồng độ đường huyết <math>\geq 5.55</math> mmol/L (100 mg/dL)</li> </ul> <p>Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016, CE, FDA</p> <p>Điều kiện làm việc: 5 - 45°C; 10 - 90% RH</p>	Test	48,000	Hộp / 50 Test	5,500	264,000,000	
211	Que thử nước tiểu 10 thông số	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Que thử phân tích nước tiểu sử dụng để phát hiện định tính và bán định lượng các chất sau trong nước tiểu: ASC, GLU, BIL, KET, SG, BLO, pH, PRO, URO, NIT, LEU.</li> <li>- Que thử sử dụng một lần.</li> <li>- Bảo quản nhiệt độ: 2-30 °C.</li> <li>- Que thử sử dụng được cho Máy Insight U120 hoặc tương đương</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485:2016.</li> </ul>	Hộp	100	Hộp/ 100 Test	320,000	32,000,000	

STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
212	Test thử thai	Phát hiện định tính gonadotropin màng đệm ở người (hCG) trong nước tiểu của người để hỗ trợ chẩn đoán mang thai ở phụ nữ. Giới hạn phát hiện: 25mIU /ml Độ nhạy 100% Độ đặc hiệu 100%. -Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE hoặc tương đương	Test	200	Hộp/ 50 Test	4,800	960,000	
213	Test sốt xuất huyết Dengue IgM/IgG	Khay thử xét nghiệm sắc ký miễn dịch, phát hiện định tính và phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng vi rút Dengue trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần. - Đối với IgM: Độ nhạy tương quan: 96.7% Độ đặc hiệu tương quan: 98.6% Độ chính xác tương quan: 97.9% Đối với IgG: Độ nhạy tương quan: 95.8% Độ đặc hiệu tương quan: 98.6% Độ chính xác tương quan: 97.6% Sản phẩm đạt tiêu chuẩn CE.	test	500	Hộp 30 test	57,830	28,915,000	
214	Test sốt xuất huyết Dengue NS1	Phát hiện kháng nguyên virus Dengue NS1 trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần người -Vạch thử: Kháng thể kháng Dengue NS1 -Vạch chứng: IgG kháng thể/IgG của chuột ở dè Độ nhạy tương đối: 100%, độ đặc hiệu: 100%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Test	3,600	Hộp 25 test	68,500	246,600,000	
215	Test giang mai	- Syphilis là xét nghiệm chẩn đoán in vitro dựa trên nguyên lý sắc ký miễn dịch được dùng để định tính phát hiện kháng thể (IgG, IgM) giang mai trong huyết thanh huyết tương hoặc máu toàn phần của người để hỗ trợ chẩn đoán bệnh giang mai. - Độ nhạy tương đối 99,4%, Độ đặc hiệu tương đối 99,5% so với phương pháp xét nghiệm ELISA. - Giới hạn phát hiện (LoD): độ nhạy phân tích (LoD) của RDT là 1.0s/co. - Thể tích mẫu sử dụng: 10µL huyết thanh/huyết tương hoặc 20µL máu toàn phần. - Dạng khay (Cassette). - Đọc kết quả từ 5~20 phút. - Bảo quản ở nhiệt độ 2-30°C - Đạt chuẩn ISO, EC, CFS Hàn Quốc, CFS Đức. - Có chứng nhận phân tích chất lượng COA.	Test	400	Hộp 25 test Hộp 100 test	27,650	11,060,000	

STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
216	Test HBsAg	-Phát hiện kháng nguyên bề mặt HBsAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương. -Độ nhạy: 100% -Độ đặc hiệu: 100%. -Thành phần kit thử: miếng hấp thụ, màng nitrocellulose, miếng liên hợp và miếng mẫu. -Vạch kết quả: protein kháng HbsAg -Vạch chứng: IgG kháng chuột/thỏ -Thể tích mẫu sử dụng là 60µl -Bảo quản: Nhiệt độ thường -Ngưỡng phát hiện: 0,5 ng/ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	test	800	Hộp/ 50 test	7,000	5,600,000	
217	Test HIV	Phát hiện sự có mặt của các kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương người - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy: ≥ 99.47%, Độ đặc hiệu: ≥ 99.87% - Nằm trong khuyến cáo xét nghiệm kháng định HIV của viện Vệ sinh dịch tễ TW năm 2020 Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	test	2,000	Hộp/ 50 test	19,550	39,100,000	
218	Test HCV	HCV là xét nghiệm chẩn đoán in vitro dựa trên nguyên lý sắc ký miễn dịch được dùng để định tính phát hiện kháng thể kháng vi rút Viêm gan C (HCV) trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người. - Không phản ứng chéo với bảng hiệu suất của sốt xuất huyết, WNV IgG dương tính, YF IgG dương tính, Zika IgG dương tính, bảng hiệu suất HBV, dương tính HEV IgG, EBV VCA huyết tương dương tính, varicella zoster IgG dương tính, HSV 1 IgG dương tính, Bảng xác nhận xét nghiệm nhanh HIV 1/2, Kháng thể malaria dương tính, Chlamydia trachomatic IgG dương tính, Chlamydia trachomatic IgM dương tính, Bảng hiệu suất bệnh giang mai, huyết tương chikungunya IgG dương tính, Salmonella typhi IgG dương tính, Rubella IgG dương tính, Brucella abortus IgG dương tính, vi rút parvo B19 IgM dương tính, dương tính vi rút parvo B19 IgG. - Độ nhạy tương đối 99,1%; Độ đặc hiệu tương đối 100% so với phương pháp xét nghiệm Điện hóa phát quang (ECLIA). - Đạt chuẩn ISO 13485, chứng nhận lưu hành CFS Hàn Quốc - Có chứng nhận phân tích chất lượng COA.	Test	400	Hộp 25 test Hộp 100 test	31,470	12,588,000	
219	Bộ xét nghiệm định tính sàng lọc nhiều loại thuốc (nước tiểu) (Que thử ma túy tổng hợp 4 chần)	- Test thử nhanh phát hiện nhiều chất ma túy (MOP/MDMA/MET/THC) Độ nhạy: 100% Độ đặc hiệu: 100% Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Test	750	Hộp/ 25 test	75,000	56,250,000	
<b>Phần 12: Hóa chất dùng trong xét nghiệm</b>							<b>1,277,997,100</b>	

STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
220	Anti A	Đặc tính: Định nhóm máu A. Trên màng hồng cầu có chứa kháng nguyên A, không chứa kháng thể anti-A, có chứa kháng thể anti-B.	ML	120	lọ/10 ml	13,500	1,620,000	
221	Anti AB	Đặc tính: Định nhóm máu AB. Trên màng hồng cầu có cả kháng nguyên A và B, không có hai kháng thể anti-A và anti-B.	ML	120	lọ/10 ml	13,500	1,620,000	
222	Anti B	Đặc tính: Định nhóm máu B. Trên màng hồng cầu có chứa kháng nguyên B, không chứa kháng thể anti-B, có chứa kháng thể anti-A.	ML	120	lọ/10 ml	13,500	1,620,000	
223	Anti D	Đặc tính: Định nhóm máu D. Trên màng hồng cầu không có cả kháng nguyên A lẫn B và có cả hai kháng thể anti-A và anti-B.	ML	120	lọ/10 ml	25,000	3,000,000	
224	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Calcium	- Chức năng: Hóa chất xét nghiệm định lượng CALCIUM trong huyết thanh và huyết tương - Phương pháp: Colorimetric, Endpoint, Increasing Reaction - Thành phần: Arsenazo (III) : ≤ 0.2 mmol, Good's buffer : ≤ 50 mmol, pH 6.8, Stabilizers - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. - Sử dụng cho máy Sinh Hóa bán tự động Stat fax 3300 đang sử dụng tại Trung tâm.	ML	600	RI: 2x100 mL	5,000	3,000,000	
225	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Acid Uric	- Chức năng: Hóa chất xét nghiệm định lượng axit uric trong huyết thanh hoặc huyết tương - Phương pháp: Colorimetric, Endpoint, Trinder, Increasing Reaction, Enzymatic - Thành phần: Phosphate : ≤ 120 mmol/L, Detergent : ≤ 1.8 g/L, Dichlorophenolsulfonate : ≤ 4.4 mmol/L, Uricase : > 0.12 U/mL, Ascorbate oxidase : > 5 U/mL, Peroxidase : > 1 U/mL, 4-aminoantipyrine : ≤ 0.6 mmol/L, pH : 7.8 - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. - Có thông số kỹ thuật tương thích trên máy Sinh Hóa bán tự động Stat fax 3300 đang sử dụng tại Trung tâm.	ML	6,500	Hộp/ 2x250 ml	7,162	46,553,000	
226	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ALT/GPT	- Chức năng: Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT trong huyết thanh - Phương pháp: UV, Kinetic, Decreasing Reaction, modified IFCC - Thành phần: Tris buffer : ≤ 120 mM pH 7.15, L-Alanine : ≤ 550 mM, 2-Oxoglutarate : ≤ 18 mM, NADH : ≤ 0.18 mM, LDH : ≥ 1700 U/L - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. - Có thông số kỹ thuật tương thích trên máy Sinh Hóa bán tự động Stat fax 3300 đang sử dụng tại Trung tâm.	ML	9,000	RI: 2x200 mL + R2: 1x100 mL	5,500	49,500,000	

STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
227	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AST/GOT	- Chức năng: Hóa chất xét nghiệm định lượng AST trong huyết tương và huyết thanh. - Phương pháp : UV, Kinetic, Decreasing Reaction, mod. IFCC - Thành phần: Tris buffer ≤ 90 mM pH 7.65, L-aspartate ≤ 250 mM, 2-Oxoglutarate ≤ 14 mM, NADH ≤ 0.18 mM, MDH ≥ 600 U/L, LDH ≥ 900 U/L. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. - Có thông số kỹ thuật tương thích trên máy Sinh Hóa bán tự động Stat fax 3300 đang sử dụng tại Trung tâm.	ML	9,000	R1: 2x200 mL + R2: 1x100 mL	5,500	49,500,000	
228	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Cholesterol	- Hóa chất xét nghiệm định lượng cholesterol trong huyết thanh. - Phương pháp: Colorimetric, Endpoint, Increasing Reaction, CHOD-PAP - Thành phần: Good's buffer : pH 7.2; sodium cholate : ≤ 8.3 mM; CHE : ≥ 400 U/L; CHOD : ≥ 200 U/L; POD : ≥ 500 U/L; 4-AAP : ≤ 0.8 mM; 4-chlorophenol : ≤ 2.4 mM - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. - Có thông số kỹ thuật tương thích trên máy Sinh Hóa bán tự động Stat fax 3300 đang sử dụng tại Trung tâm.	ML	7,500	R1: 2x250 mL	5,480	41,100,000	
229	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học	Nội kiểm cho máy huyết học, gồm 5 mức thấp- trung bình- cao Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu mô phỏng, tiểu cầu của động vật có vú Bảo quản dạng băng đông ở nhiệt độ 2-8 °C. Tương thích trên máy Huyết học tự động 20 thông số XP - 100 (Sysmex - Nhật Bản) đang sử dụng tại Trung tâm. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE (nếu có) hoặc tương đương.	ML	108	3x3ml/ Bộ	838,000	90,504,000	
230	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Creatinine	- Chức năng: Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine trong huyết thanh và nước tiểu người. - Phương pháp tối thiểu : Colorimetric, Kinetic, Jaffe. - Thành phần: R1: Carbonate Buffer : ≤ 120 mmol/L, Sodium Hydroxide : ≤ 360 mmol/L R2: Picric Acid : ≤ 7.8 mmol/L - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. - Có thông số kỹ thuật tương thích trên máy Sinh Hóa bán tự động Stat fax 3300 đang sử dụng tại Trung tâm.	ML	9,000	R1: 2x200 mL + R2: 1x100 mL	5,070	45,630,000	
231	Dung dịch rửa máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất rửa máy xét nghiệm huyết học Tương thích trên máy Huyết học tự động 20 thông số XP - 100 (Sysmex - Nhật Bản) đang sử dụng tại Trung tâm.	ML	600	100 ml / Chai	15,000	9,000,000	



STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
232	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Gamma GT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chức năng: Hóa chất xét nghiệm định lượng Gamma-GT trong huyết thanh và huyết tương</li> <li>- Phương pháp : Colorimetric, Kinetic, Increasing Reaction, IFCC</li> <li>- Thành phần: Tris buffer <math>\leq 100</math> mM, pH 8.25, Glycylglycine <math>\leq 100</math> mM, L-Glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide <math>\leq 5</math> mM.</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.</li> <li>- Sử dụng trên máy Sinh Hóa bán tự động Stat fax 3300, hoặc tương đương đang sử dụng tại Trung tâm.</li> </ul>	ML	1,000	R1: 1x200 mL + R2: 1x50mL	10,930	10,930,000	
233	Hóa chất nhuộm Giemsa	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Giemsa	ML	500	chai 500ml	7,857	3,928,500	
234	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Glucose	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chức năng: Hóa chất xét nghiệm định lượng glucose trong Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu và CSF (dịch não tủy)</li> <li>- Phương pháp: Colorimetric, Endpoint, Increasing Reaction GOD - PAP.</li> <li>- Thành phần : Phosphate buffer pH 6.50 <math>\leq 240</math> mM, GOD <math>\geq 15000</math> U/L, POD <math>\geq 500</math> U/L, 4-AAP <math>\leq 1</math> mM, Pheno <math>\leq 15</math> mM, Surfactant</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.</li> <li>- Có thông số kỹ thuật tương thích trên máy Sinh Hóa bán tự động Stat fax 3300 đang sử dụng tại Trung tâm.</li> </ul>	ML	9,000	R1: 2x200 mL	4,105	36,945,000	
235	Hóa chất pha loãng dùng cho máy xét nghiệm huyết học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất được sử dụng để pha loãng mẫu máu toàn phần trên máy phân tích huyết học</li> <li>Thành phần:</li> <li>- Sodium chloride <math>&lt;0.9\%</math></li> <li>- Potassium chloride <math>&lt;0.1\%</math></li> <li>- Buffer <math>&lt;0.3\%</math></li> <li>- Preservative <math>&lt;0.1\%</math></li> <li>- Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.</li> <li>- Có thông số kỹ thuật tương thích trên máy Huyết học tự động 20 thông số XP-100 (Sysmex - Nhật Bản) đang sử dụng tại Trung tâm.</li> </ul>	Lít	1,440	Thùng (20 lít)	98,215	141,429,600	
236	Hóa chất ly giải dùng cho máy xét nghiệm huyết học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất ly giải dùng cho máy phân tích huyết học</li> <li>Thành phần:</li> <li>- Sufactant, Cell Stabilizer</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.</li> <li>- Có thông số kỹ thuật tương thích trên máy Huyết học tự động 20 thông số XP-100 (Sysmex - Nhật Bản) đang sử dụng tại Trung tâm.</li> </ul>	ml	54,000	Lo (500 mL.)	4,143	223,722,000	

STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
237	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Triglycerides	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chức năng: Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglyceride trong huyết thanh hoặc huyết tương</li> <li>- Phương pháp: Colorimetric, Endpoint, Increasing Reaction, GPO – PAP</li> <li>- Thành phần: 4-chlorophenol 2.7 mM, 4-AAP : 0.3 mM, ATP : 2 mM, GK : &gt; 1000 U/L, POD : &gt; 1000 U/L, LPL : &gt; 2000 U/L</li> <li>GPO : &gt; 5000 U/L, Good's buffer pH 7.20 : 50 mM, Surfactants</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.</li> <li>- Có thông số kỹ thuật tương thích trên máy Sinh Hóa bán tự động Stat fax 3300 đang sử dụng tại Trung tâm.</li> </ul>	ML	7,500	R1: 2x250 mL	10,050	75,375,000	
238	Thuốc thử xét nghiệm định lượng UREA	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chức năng: Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea trong huyết thanh hoặc nước tiểu</li> <li>- Phương pháp : UV, Two Point Kinetic (fixed time), Decreasing Reaction, GLDH</li> <li>- Thành phần: Tris buffer ≤ 120 mM pH 7.60, 2-Oxoglutarate ≤ 8 mM, ADP ≤ 1.6 mM, Urease &gt; 8 KU/L, GLDH &gt; 800 U/L, NADH ≤ 0.60 mM, Stabilizers</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.</li> <li>- Có thông số kỹ thuật tương thích trên máy Sinh Hóa bán tự động Stat fax 3300 đang sử dụng tại Trung tâm.</li> </ul>	ML	2,000	R1: 2x200 mL + R2: 1x100 mL	5,680	11,360,000	
239	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Amylase	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chức năng: Hóa chất xét nghiệm định lượng AMYLASE trong huyết thanh và huyết tương</li> <li>- Phương pháp : Kinetic, Increasing Reaction, ET-G7PNP (4,6-Ethyliden-4-Nitrophenyl Malta Hepta Oksit)</li> <li>- Thành phần: Calcium Acetat : ≤ 7,8 mmol/L; NaOH : ≤ 39 mmol/L; Potassium Thiocyanate : ≤ 100 mmol/L; 2-Chloro 4 Nitrophenyl-<math>\alpha</math>-maltotrioxide : ≤ 2.5 mmol/L.</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.</li> <li>- Có thông số kỹ thuật tương thích trên máy Sinh Hóa bán tự động Stat fax 3300 đang sử dụng tại Trung tâm.</li> </ul>	ML	1,000	R1: 1x100 mL	40,000	40,000,000	
240	Thuốc thử xét nghiệm định lượng LDL-Cholesterol	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chức năng: Hóa chất xét nghiệm định lượng LDL (Low Density Lipoprotein)-cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người.</li> <li>- Phương pháp: Colorimetric</li> <li>Thành phần: R1: Polyanion detergent I, Cholesterol esterase : ≤ 200.000 U/L, Cholesterol oxidase : ≤ 200.000 U/L, Peroxidase : ≤ 200.000 U/L, 4-aminoantipyrine, TOOS</li> <li>R2: Detergent 2 TOOS; Tris BufferL</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.</li> <li>- Có thông số kỹ thuật tương thích trên máy Sinh Hóa bán tự động Stat fax 3300 đang sử dụng tại Trung tâm.</li> </ul>	ML	5,000	R1: 4x75 mL R2: 4x25 mL	50,000	250,000,000	
241	Hóa chất kiểm chứng cho máy xét nghiệm sinh hóa mức bình thường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất dùng để nội kiểm sinh hóa mức bình thường sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa.</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.</li> </ul>	ML	280	Lọ 5 mL	228,000	63,840,000	

STT	Tên hàng hóa mời báo giá	Thông số, đặc tính kỹ thuật mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Qui cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
242	Hóa chất kiểm chứng cho máy xét nghiệm sinh hóa mức cao	- Hóa chất dùng để nội kiểm sinh hóa mức cao sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	ML	280	Lọ 5 mL	228,000	63,840,000	
243	Hóa chất hiệu chuẩn thông số cho máy xét nghiệm sinh hóa (Calib)	- Hóa chất dùng để hiệu chuẩn máy sinh hóa - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	ML	30	Lọ 5 mL	228,000	6,840,000	
244	Dung dịch acid rửa máy sinh hóa	Dung dịch rửa axit được dùng cho mục đích chẩn đoán trong ống nghiệm để làm sạch đầu dò pha loãng khi sử dụng máy phân tích hóa học. Thành phần Axit hydrocloric, 3% Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	ML	1,000	Hộp 1000ml	3,570	3,570,000	
245	Dung dịch kiềm rửa máy sinh hóa	Dung dịch rửa cơ bản được dùng cho việc chẩn đoán ngoại vi trong việc rửa các ống nhỏ sử dụng trên bộ phận tích hóa học. Thành phần Natri hydroxit 3,6% Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	ML	1,000	Hộp 1000ml	3,570	3,570,000	
<b>TỔNG CỘNG</b>						-	<b>4,984,590,388</b>	

Số tiền bằng chữ: Bốn tỷ, chín trăm tám mươi bốn triệu, năm trăm chín mươi ngàn, ba trăm tám mươi tám đồng chẵn.